

CTCP TÀU CAO TỐC  
SUPERDONG – KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Ngày 08 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 0297 3 980 111

Fax : 0297 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 028 38 666 333

Fax : 028 38 688 373

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2021. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 08/04/2022 tại đường dẫn <http://superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật**



**HÀ NGUYỆT NHI**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Điện thoại: (0297) 3846 180

Email: [info@superdong.com.vn](mailto:info@superdong.com.vn)

Website: <https://superdong.com.vn/>

**A** NNUAL REPORT 2021  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM

“AN TOÀN - ỔN ĐỊNH - ĐÚNG GIỜ -  
THOẢI MÁI - TIỆN LỢI - DỊCH VỤ ĐA DẠNG -  
GIÁ CẢ HỢP LÝ”

SKG

# MỤC LỤC


- 
- 01 **PHẦN I:**  
THÔNG TIN CHUNG
- 
- 19 **PHẦN II:**  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 
- 31 **PHẦN III:**  
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 
- 43 **PHẦN IV:**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 
- 51 **PHẦN V:**  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 
- 55 **PHẦN VI:**  
QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 
- 67 **PHẦN VII:**  
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 
- 73 **PHẦN VIII:**  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021
-

# THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro


## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

 Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG.


 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 14/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 27/10/2021.

 Vốn điều lệ: 633.317.350.000 đồng

 Vốn chủ sở hữu: 801.005.124.563 đồng

 Địa chỉ: Số 10, Đường 30/4, khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

 Số điện thoại: (0297) 3980 111.

 Số fax: (0297) 3846 180.

 Website: <https://superdong.com.vn/>

 Mã cổ phiếu: SKG

 Sàn giao dịch chứng khoán: HOSE



## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

### TRỤ SỞ CHÍNH

Số 10, Đường 30/4, khu phố 2, Phường Dương Đông,  
Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.  
Website: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)  
Email: [info@superdong.com.vn](mailto:info@superdong.com.vn)  
ĐT: (0297) 3980 111  
Hotline: 0919 664 660

### PHÒNG VÉ NAM DU

Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang.  
SĐT: (0297) 3890 389 / (0297) 3777 989

### PHÒNG VÉ RẠCH GIÁ

Số 01 Lô 4, Đường 3/2, Phường Vĩnh Thanh Vân,  
TP. Rạch Giá.  
SĐT: (0297) 3877 742  
Email: [rachgia.sales@superdong.com.vn](mailto:rachgia.sales@superdong.com.vn)

### PHÒNG VÉ SÓC TRĂNG

Số 193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng.  
SĐT: (0299) 3616 111  
Hotline xe buýt: 0916.294.399  
Email: [soctrang.sales@superdong.com.vn](mailto:soctrang.sales@superdong.com.vn)

### PHÒNG VÉ CẦN THƠ

Số 62B Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Tân Phú,  
Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.  
SĐT: 0886 712 233

### PHÒNG VÉ PHÚ QUÝ

Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, xã Tam Thanh,  
Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.  
SĐT: (0252) 3765 999 / (0252) 3768 666

### PHÒNG VÉ HÒN NGHỆ

Tổ 1, Ấp Bãi Nam, Xã Hòn Nghệ, Huyện Kiên Lương,  
Tỉnh Kiên Giang.  
SĐT: 094 7624 365

### VPĐD TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Số 610, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM.  
SĐT: (028)38 666 333  
Email: [saigon.sales@superdong.com.vn](mailto:saigon.sales@superdong.com.vn)

### PHÒNG VÉ LẠI SƠN

Ấp bãi nhà, xã Lại Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang.  
SĐT: (0297) 3830 555 - 091 1541 331

### PHÒNG VÉ PHAN THIẾT

Số 169, Võ Thị Sáu, Phường Hưng Long, Thành phố  
Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.  
SĐT: (0252) 3817 337 / (0252) 3817 338  
Đường dây nóng: 0946 198 768  
Email: [phanthiet.sales@superdong.com.vn](mailto:phanthiet.sales@superdong.com.vn)

### PHÒNG VÉ CÔN ĐẢO

Đường Trần Phú, khu 6, Thị trấn Côn Đảo, huyện  
Côn Đảo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.  
SĐT: (0254) 3.630.138 / (0254) 3.630.139

### PHÒNG VÉ HÀ TIÊN

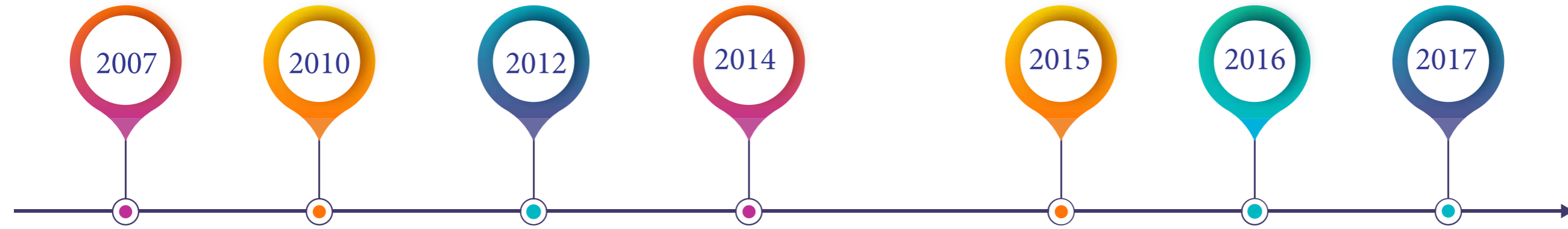
Số 11 Trần Hữu, Phường Bình San, Thị xã Hà Tiên.  
SĐT: (0297) 3955 933  
Email: [hatien.sales@superdong.com.vn](mailto:hatien.sales@superdong.com.vn)

### PHÒNG VÉ TRẦN ĐỀ

Ấp Đầu Giồng, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng,  
Bến Cảng Superdong Trần Đề - Sóc Trăng.  
SĐT: (0299) 3.843.888 / (0299) 3.843.999



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



2007  
Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang hoạt động khai thác tuyến Rạch Giá – Phú Quốc với 01 tàu cao tốc Superdong I.

2010  
Công ty chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần. Hoạt động với 03 tàu cao tốc.

2012  
Công ty trở thành Công ty đại chúng.

2014  
Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM. Hoạt động với 07 tàu cao tốc.

2015  
Tuyến Rạch Giá – Nam Du chính thức hoạt động từ tháng 06. Khai trương dịch vụ xe trung chuyển tại cảng Bãi Vòng (Phú Quốc). Hoạt động với 08 tàu cao tốc.

2016  
Tàu cao tốc Superdong IX, Superdong X tiếp tục được đưa vào khai thác để đáp ứng nhu cầu gia tăng của hành khách, tổng số ghế đạt 2.684, tăng 26,7% so với năm 2015.

2017  
Khai trương tuyến hoạt động mới Sóc Trăng – Côn Đảo và chính thức khai thác tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc (bến Bãi Vòng). Hoạt động với 14 tàu cao tốc và phà.



2018  
Khai trương tuyến hoạt động mới Phan Thiết – Phú Quý. Hoạt động với 17 tàu cao tốc và phà.

2019  
Mở tuyến mới Phú Quốc - Nam Du. Hoạt động với 18 tàu cao tốc và phà.

2020  
Khai trương tuyến Rạch Giá – Hòn Nghệ.

2021  
Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, vận hành hiệu quả hệ thống đặt vé trực tuyến. Triển khai chính thức việc phát hành hóa đơn điện tử.



# THÀNH TÍCH QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nơi cấp	Thời gian	Nội dung	Người ký
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	15/02/2012	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011.	Giám đốc Trương Hữu Cường.
UBND Tỉnh Kiên Giang	08/02/2013	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012.	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi.
Sở Công thương Tỉnh Kiên Giang	15/03/2013	Đã có thành tích ủng hộ tiến cho người nghèo khó năm 2013.	Giám đốc Huỳnh Văn Gành.
Viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp	10/11/2014	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014.	Viện trưởng PGS. TS Nguyễn Mạnh Quân.
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	21/01/2015	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014.	Giám đốc Trương Hữu Cường.
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn)	09/11/2016	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016.	Tổng thư ký hiệp hội VAFE Mai Linh Đa; Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga.
Hiệp hội VAFE	09/11/2016	Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.	Tổng thư ký Mai Linh Đa.
Hiệp hội vận tải Tỉnh Kiên Giang	20/03/2017	Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang.	Chủ tịch Lê Việt Bắc.
Forbes Việt Nam	29/05/2017	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất.	
Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam	10/10/2017	Bằng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD - Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc - Trung - Nam 2017.	Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn.
Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch Tỉnh Sóc Trăng.	27/10/2017	Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017.	Giám đốc Trần Minh Lý.
Ủy ban nhân dân Thị xã Hà Tiên.	18/01/2018	Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017.	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân.
Ủy ban nhân dân Thị xã Hà Tiên.	05/02/2018	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên.	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân.
Ủy ban nhân dân Huyện Phú Quý	15/01/2019	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân.

Nơi cấp	Thời gian	Nội dung	Người ký
Ủy ban nhân dân Xã Hòa Thuận.	12/09/2019	Cảm tạ Tấm lòng vàng.	Phó Chủ tịch Trương Thị Hòa.
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang.	02/12/2019	CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2019.	Giám đốc Trương Hữu Cường.
Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Kiên Giang.	16/12/2019	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh vận tải năm 2019.	Giám đốc Nguyễn Văn Dũng.
Ủy ban nhân dân Huyện Phú Quý.	06/01/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2019.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân.
Cục thuế Tỉnh Bình Thuận.	04/03/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019.	Cục trưởng Trần Thị Diệu Hoàng.
Ủy ban nhân dân Huyện Phú Quý.	06/10/2020	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương giai đoạn 2019 – 2020.	Chủ tịch Bùi Thế Nhân.



# THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban kiểm toán (trực thuộc Hội đồng quản trị);
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các Phòng ban và Khối chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kế toán, Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Marketing và Khối Kinh doanh, Khối Vận tải.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ





# 3 NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

## CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- o Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
- o Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
- o Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- o Khách sạn;
- o Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- o Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- o Điều hành kinh doanh tour du lịch;
- o Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Với mục tiêu củng cố và thích nghi với tình hình mới của hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải tới các đảo du lịch, Công ty đã bổ sung thêm một số ngành nghề:

- o Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- o Bốc xếp hàng hóa;
- o Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- o Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- o Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- o Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- o Kinh doanh khai thác cảng biển (Kinh doanh có điều kiện);
- o Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- o Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- o Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (Kinh doanh có điều kiện);
- o Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện).

Xu hướng du lịch biển đảo đang từng bước hình thành với nhiều du địa để phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Nhận thấy được tiềm năng to lớn này, Công ty luôn tập trung vào việc kinh doanh dịch vụ vận tải bằng tàu cao tốc và phà nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, cũng như phát triển kinh tế, du lịch của khu vực. Hiện, Công ty đang là hãng tàu hàng đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc và 02 phà, phục vụ cho hành khách đi tới các đảo Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Nam Du, Hòn Nghệ cụ thể như sau:

- o Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, VI, XII và Phà Superdong PI, PII;
- o Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong IV, VII, VIII;
- o Tuyến Rạch Giá – Nam Du (gồm các trạm dừng Hòn Tre, Lại Sơn): Tàu cao tốc Superdong I, II, X, XI;
- o Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II;
- o Tuyến Phan Thiết – Phú Quý: Tàu Superdong Phú Quý I, II;
- o Tuyến Phú Quốc – Nam Du: Tàu cao tốc Superdong V;
- o Tuyến Rạch Giá – Hòn Nghệ: Tàu cao tốc Superdong IX.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với 07 tuyến vận chuyển đang khai thác, địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm tại Tỉnh Kiên Giang, Tỉnh Sóc Trăng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Tỉnh Bình Thuận của Việt Nam.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và trong khu vực địa lý là Tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ và Bình Thuận.



## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TÀU SUPERDONG

Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/người)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong I	1.600	171	22	10	1,5
Tàu Superdong II	1.518	261	26	10	2,5
Tàu Superdong III	2.080	306	28	10	1,25
Tàu Superdong IV	2.080	306	28	10	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	26	6	1,5
Tàu Superdong VI	1.518	275	26	11	1,3
Tàu Superdong VII	2.420	275	31	13	2,25
Tàu Superdong VIII	2.420	275	31	13	2,25
Tàu Superdong IX	1.518	275	26	10	1,5
Tàu Superdong X	1.518	275	26	10	1,5
Tàu Superdong XI	1.518	275	26	13	2,5
Tàu Superdong XII	1.518	275	26	12	1,3
Tàu Superdong Côn Đảo I	2.080	306	27	11	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo II	2.080	306	27	12	2,5
Tàu Superdong Phú Quý I	2.420	306	27	13	2,5
Tàu Superdong Phú Quý II	2.420	246	27	11	2,5
Phà Superdong PI	1.518	229	12	6	2,9
Phà Superdong PII	1.518	229	12	9	2,9



# 4 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Cất lượng cuộc sống của con người ngày càng được nâng cao theo sự phát triển của xã hội. Ngày nay, giao thông không chỉ dành cho mục đích mưu sinh mà còn đáp ứng cả nhu cầu hưởng thụ. Dịch vụ vận chuyển nối liền các đảo du lịch và đất liền thể hiện rõ nét điều này; và đây cũng chính là mục tiêu và đối tượng chính được Công ty hướng tới.

“AN TOÀN - ỔN ĐỊNH - ĐÚNG GIỜ - THOẢI MÁI - TIỆN LỢI - DỊCH VỤ ĐA DẠNG - GIÁ CẢ HỢP LÝ” là những giá trị cốt lõi Công ty mong muốn đem tới cho khách hàng.

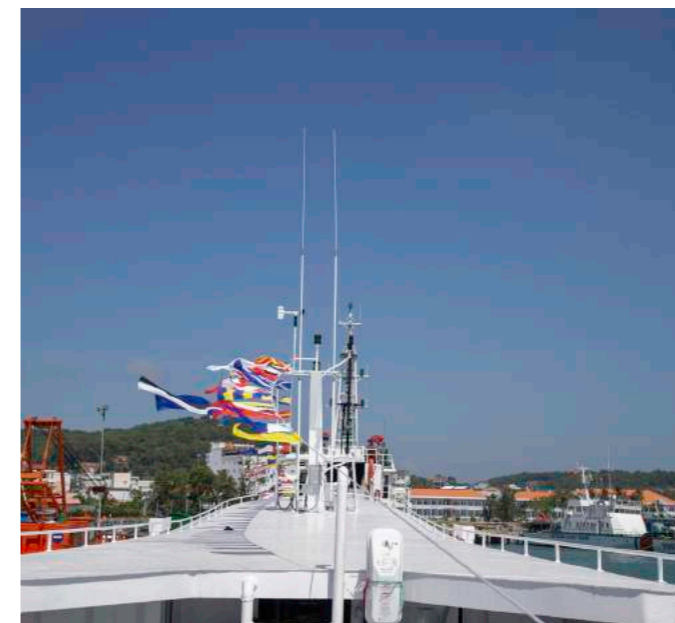
Hiện, Công ty đang có các phương tiện vận tải chuyên biệt, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, hệ thống phân phối, dịch vụ phụ trợ linh hoạt, phổ biến cùng quyết tâm đem lại cho khách hàng các trải nghiệm dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn; từ đó, góp phần giúp Công ty duy trì vị trí hàng đầu trong thị trường khai thác, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch, tăng nguồn thu cho ngân sách và tạo ra nhiều công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

Trải qua 20 năm, thương hiệu Superdong đã khẳng định được vị thế trên thị trường, được khách hàng, đối tác tin cậy và lựa chọn.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Đứng trước những khó khăn, thách thức do dịch bệnh Covid-19 gây ra; Công ty xác định cần tập trung ổn định, duy trì các hoạt động để có thể ngay lập tức triển khai hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ nhằm bắt nhịp kịp với diễn biến mới của thị trường, qua đó hoàn thành được các mục tiêu đề ra.



Công ty vẫn tiếp tục tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hành khách và hàng hóa bằng các phương tiện tàu cao tốc theo tuyến cố định. Việc thực hiện thử nghiệm phương tiện vận chuyển mới là phà cao tốc thay thế tàu cao tốc sẽ mở ra một hướng đi mới, tác động mạnh tới cục diện cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, phát huy các thế mạnh hiện có như đội tàu đa dạng để thích nghi với các nhu cầu trong các thời điểm khác nhau, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản trị và kinh doanh; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, khảo sát các địa bàn mới nhằm tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo; qua đó, giữ vững được vị thế dẫn đầu trong ngành và ngày càng gia tăng sức mạnh thương hiệu của Superdong trong thị trường khai thác.

## MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu phát triển môi trường, xã hội và cộng đồng luôn được Công ty quan tâm, chấp hành bằng những hành động thiết thực. Hiện tại, Công ty đang hướng tới việc thực hiện mục tiêu giảm bớt khí thải và tiếng ồn phát ra môi trường bằng cách nâng cấp, cải tiến đội tàu và sử dụng các nhiên liệu phù hợp.

Công ty đảm bảo chính sách lao động thỏa đáng, cạnh tranh nhằm khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; đồng thời, chủ động, tích cực tham gia vào các chương trình có ý nghĩa đối với môi trường, xã hội và cộng đồng như: ủng hộ phòng chống dịch bệnh Covid-19, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ủng hộ hội khuyến học, ủng hộ xây dựng cầu – đường – trường – trạm,...

Chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi luôn được quan tâm; từ đó, tạo được môi trường làm việc thân thiện, cạnh tranh và công bằng cho người lao động.



# 5 CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Năm 2021 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế Việt Nam, hệ quả kéo dài của dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại với biến chủng mới Delta đã ảnh hưởng hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản ... Trước ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với mục tiêu nhanh chóng kiểm soát dịch bệnh trong nước, liên tiếp các Quyết định về việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội nhằm phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo Chỉ thị số 16, Chỉ thị số 19,... của Thủ tướng Chính phủ trên cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Kiên Giang nói riêng được ban hành đã làm nhu cầu đi lại, du lịch giảm trong thời gian giãn cách xã hội gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam thì GDP quý III/2021 của cả nước giảm 6,02%, đây là mức giảm sâu nhất mà Việt Nam trải qua kể từ khi tính và công bố GDP quý.

Đi cùng diễn biến của dịch bệnh, sự đình trệ của nền kinh tế, hoạt động của Công ty bị suy giảm nghiêm trọng, thậm chí đã có những giai đoạn buộc phải ngừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhằm phục vụ cho mục tiêu chống dịch. Làn sóng dịch Covid-19 kéo dài khiến cho những kết quả phục hồi của hai quý đầu năm 2021 như biến mất hoàn toàn. Trước những khó khăn trên, nhằm duy trì ổn định hoạt động kinh doanh và công việc cho người lao động, Ban Lãnh đạo đã lên kế hoạch ổn định các tuyến hoạt động truyền thống ngay khi lệnh giãn cách xã hội được gỡ bỏ và các doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh trở lại; đồng thời, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thiết bị hợp lý nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

## Rủi ro thời tiết

Vận tải đường thủy chịu tác động rất lớn của các điều kiện tự nhiên như: mưa, bão, lũ lụt,... gây ảnh hưởng tới lịch trình, tần suất khai thác, sự an toàn, tiêu hao nhiên liệu và trải nghiệm của khách hàng đối với các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành này. Các yếu tố tự nhiên diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt trong điều kiện thời tiết khí hậu hiện nay có nhiều biến đổi bất thường và ngày càng trở nên cực đoan hơn. Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định về an toàn, sẵn sàng ứng phó nhanh trước các điều kiện bất lợi; quan tâm đến việc cải tiến, cải tạo, nâng cao chất lượng, an toàn cho các đội tàu; thực hiện nghiêm ngặt những chính sách quản lý an toàn và thực hiện mua bảo hiểm cho thân tàu và hành khách.



## Rủi ro nguồn nhân lực

Nhân sự trong ngành vận tải biển đòi hỏi phải được đào tạo chuyên sâu và có thời gian tích lũy kinh nghiệm lâu dài, liên tục. Sự xuất hiện liên tục của các doanh nghiệp cùng ngành, cùng với mức thu nhập từ các hãng tàu biển quốc tế chạy đường dài hấp dẫn hơn đã làm cho nguồn nhân sự này luôn trong tình trạng khan hiếm, cạnh tranh cao. Trước thực trạng đó, Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách phúc lợi, đãi ngộ, đào tạo và môi trường làm việc ổn định, lâu dài, cạnh tranh nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao.

## Rủi ro sản phẩm thay thế

Số lượng các chuyến bay tới Phú Quốc, Côn Đảo ngày càng nhiều với chính sách linh hoạt hơn trong việc đưa ra các lựa chọn về thời gian khởi hành và giá vé. Dù vậy, Công ty nhận định sự phát triển của loại hình dịch vụ này không mang tính thay thế mà trái lại, còn có thể mang lại những hiệu quả tích cực cho dịch vụ vận chuyển theo tuyến cố định mà Công ty đang khai thác. Bởi, đối tượng khách hàng mục tiêu của Công ty tập trung ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; hàng không phát triển sẽ tạo ra thêm nhu cầu trung chuyển bằng đường thủy để nối chuyến bay cho người dân địa phương và các khách hàng từ nơi khác tới.

Môi trường kinh doanh ngày một hoàn thiện, minh bạch hơn cũng như sự tăng trưởng đột biến của du lịch biển đảo đã mang đến nhiều tên tuổi mới gia nhập ngành, tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Là một doanh nghiệp trưởng thành, lớn mạnh lên trong cạnh tranh, Công ty luôn ý thức được cạnh tranh vừa là thử thách, vừa là động lực để vươn lên.

Trải qua 20 năm với nhiều thử thách và gặt hái được nhiều thành tựu, Superdong đã trở thành thương hiệu uy tín, tin cậy đối với các khách hàng gần xa. Công ty luôn chủ động nắm bắt xu hướng của thị trường để đưa ra các chiến lược, giải pháp tiên phong để từ đó, đón đầu nhu cầu thị trường, khẳng định vị thế của doanh nghiệp dẫn đầu thị trường.

## Rủi ro pháp luật

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải và đang niêm yết cổ phiếu trên thị trường tập trung, hoạt động của Công ty chịu sự chi phối bởi nhiều văn bản chuyên ngành khác nhau. Hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, nhiều quy định còn thiếu tính nhất quán gây khó khăn cho việc áp dụng trong thực tiễn. Vì vậy, ngoài việc nắm vững các quy định hiện hành, Công ty còn luôn cập nhật, theo dõi sự điều chỉnh, sửa đổi của các văn bản pháp luật nếu có nhằm có phương án chuẩn bị và thực hiện kịp thời các quy định mới của Nhà nước.

## Rủi ro khác

Cũng như những doanh nghiệp khác, Công ty không thể tránh khỏi việc gặp những rủi ro bất khả kháng như: dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ,... Đặc biệt trong năm 2021, Công ty đã trải qua một trong những rủi ro không thể đoán trước được đó là sự bùng phát liên tiếp của các chủng mới của dịch bệnh Covid-19. Nhờ sự quyết liệt trong công tác phòng chống dịch, Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định về kiểm soát dịch bệnh. Cùng với việc khởi động lại nền kinh tế bị đình trệ do buộc phải dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ, Công ty cũng đã chủ động tham gia vào công tác phòng chống dịch theo đúng tinh thần của các chỉ đạo về giãn cách xã hội, phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền, yêu cầu toàn thể người lao động và khách hàng sử dụng dịch vụ tuân thủ quy định về phòng chống dịch; đồng thời, lên phương án giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh đến hoạt động của Công ty.

## Rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào

Đầu DO là nguồn nhiên liệu chính của Công ty chiếm khoảng 50% chi phí kinh doanh chính. Khi giá dầu có biến động, yếu tố bị ảnh hưởng trực tiếp đầu tiên sẽ là lợi nhuận của Công ty. Công ty có mối quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp nguồn nguyên nhiên liệu hàng đầu tại địa phương để có được chính sách giá hợp lý; đồng thời, thực hiện công tác điều phối tàu khoa học, linh hoạt cũng như cải tiến đội tàu nhằm tiết giảm nhiên liệu, tối ưu hóa lợi nhuận.

Năm 2021, giá dầu thế giới đã chứng kiến một năm tăng mạnh trên 50% khi nguồn cung không đáp ứng được nhu cầu trong thời điểm các nền kinh tế mở cửa trở lại đã làm cho giá dầu trong nước cũng tăng theo dẫn đến nguồn nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp vận tải nói chung và Công ty nói riêng bị ảnh hưởng khá lớn. Sự biến động tăng này có ảnh hưởng rất lớn tới năng lực cạnh tranh của các công ty trên thị trường. Bằng kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường, Công ty đã có kế hoạch ứng phó với thách thức này; thậm chí, có thể coi đây là cơ hội để đưa ra các quyết sách mấu chốt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

# 1 TÌNH HÌNH CHUNG NGÀNH DU LỊCH NĂM 2021

Năm 2019, ngành du lịch đang trong đà tăng tốc mạnh mẽ; tuy nhiên, bước sang năm 2020 là chuỗi ngày lao đao do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát. So với năm 2019, Việt Nam mất 80% lượng du khách quốc tế, khách nội địa giảm 50%, ngành du lịch thiệt hại 530.000 tỷ đồng. Theo Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, năm 2021 là năm thứ hai liên tiếp du lịch chịu ảnh hưởng thiệt hại nặng nề từ dịch bệnh Covid-19, các chỉ tiêu phát triển du lịch tiếp tục giảm mạnh. Các doanh nghiệp lữ hành rơi vào tình trạng khủng hoảng, 80-90% dừng hoạt động; chuyển ngành nghề, đổi mô hình kinh doanh, cắt giảm nhân sự,...

Năm 2021, số lượng doanh nghiệp lữ hành xin thu hồi giấy phép kinh doanh, dừng hoạt động tăng mạnh. Các doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch cũng dừng hoạt động. Do không có khách du lịch, nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, các điểm tham quan, di tích, khu vui chơi giải trí,... đều thiệt hại, nhiều nơi đến nay vẫn chưa mở cửa lại hoàn toàn. Tại nhiều địa phương, du lịch không còn vai trò là động lực thúc đẩy phát triển các ngành, nghề khác. Sản phẩm du lịch trước đây đã có thương hiệu, sức cạnh tranh cao cũng suy giảm nhiều về hình ảnh, năng lực cạnh tranh, hiệu quả đầu tư,...

Không ngoại lệ, sau một thời gian bắt buộc phải tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu từ cơ quan quản lý Nhà nước, Công ty đã dần dần mở lại các tuyến, từng bước thích nghi với hoàn cảnh mới nhằm ổn định hoạt động, tiến hành các bước chuẩn bị để bắt kịp với sự khôi phục của thị trường du lịch trong nước và quốc tế.

Hiện, ngành du lịch đang phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện “mục tiêu kép” phục hồi du lịch cả nội địa và quốc tế, thích ứng linh hoạt trong tình hình mới. Với thị trường trong nước, thực hiện chương trình du lịch nội địa thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 với chủ đề “Du lịch an toàn - Trải nghiệm trọn vẹn.” Nhờ đó, hoạt động du lịch tại các địa phương đã bắt đầu khởi sắc, du lịch nội địa đang từng bước phục hồi.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tình hình chung ngành du lịch năm 2021
2. Tình hình hoạt động kinh doanh
3. Tình hình đầu tư
4. Thông tin tài chính
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

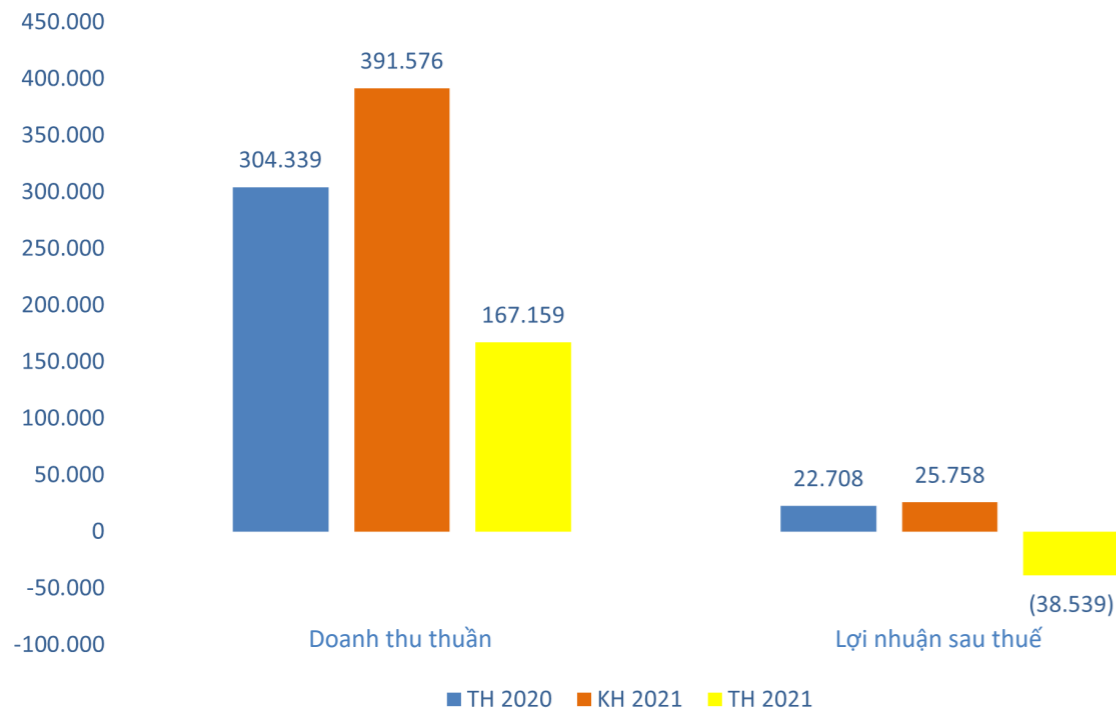
## 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	%TH 2021/ 2020
Vốn điều lệ	633.317	633.317	633.317	100%
Doanh thu thuần	304.339	391.576	167.159	55%
Lợi nhuận sau thuế	22.708	25.758	(38.539)	-

Năm 2021 là năm thứ hai liên tiếp, Công ty phải đối mặt với những khó khăn, thử thách ngày càng gia tăng do dịch Covid-19 mang lại. Trong khi lượng cung toàn thị trường không đổi thì lượng cầu đến từ các khách du lịch gần như không còn. Đợt bùng dịch thứ 4 kéo theo giãn cách xã hội đã làm tê liệt toàn bộ hoạt động du lịch tại các địa bàn hoạt động. Tuân thủ các quy định về phòng chống dịch, Công ty buộc phải tạm ngưng hoạt động; thậm chí đến cuối năm 2021, tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo vẫn chưa được hoạt động trở lại. Công ty đã luôn bám sát diễn biến của dịch bệnh, các hướng dẫn chỉ đạo của các chính quyền địa phương và vận dụng mọi nguồn lực có thể để giúp Công ty duy trì hoạt động kinh doanh, đem về nguồn thu trang trải các chi phí cố định.



### CƠ CẤU DOANH THU TỪNG TUYẾN

Đvt: đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	44.339.057.793	14,57%	21.295.181.267	12,74%	(51,97%)
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	109.562.241.362	36,00%	67.647.001.404	40,47%	(38,26%)
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	70.782.081.857	23,26%	35.345.304.798	21,14%	(50,06%)
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	32.830.005.662	10,79%	17.805.110.123	10,65%	(45,76%)
Phà	12.976.220.742	4,26%	3.907.975.143	2,34%	(69,88%)
Tuyến Phan Thiết – Phú Quý	29.291.759.510	9,62%	18.700.601.147	11,19%	(36,16%)
Tuyến Nam Du – Phú Quốc	2.484.996.576	0,82%	941.846.281	0,56%	(62,10%)
Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu	502.727.274	0,17%	-	-	-
Tuyến Rạch Giá – Hòn Nghệ	54.178.110	0,02%	842.914.158	0,50%	1.555,82%
Bến tàu Trần Đề	350.750.907	0,12%	233.747.272	0,14%	(33,36%)
Xe trung chuyển	1.165.445.529	0,38%	439.427.295	0,26%	(62,30%)



## CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP TỪNG TUYẾN

Đvt: đồng

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	4.448.930.440	(2.996.379.875)	(167,35%)
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	40.133.883.610	13.971.434.912	(65,19%)
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	24.673.168.236	(2.107.381.131)	(108,54%)
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	7.741.640.152	(2.731.148.916)	(135,28%)
Phà	(10.559.729.039)	(10.220.651.317)	(3,21%)
Tuyến Phan Thiết – Phú Quý	3.725.852.143	(1.778.321.005)	(147,73%)
Tuyến Nam Du – Phú Quốc	(210.122.379)	(1.092.620.056)	419,99%
Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu	57.398.983	-	-
Tuyến Rạch Giá – Hòn Nghệ	5.762.339	(1.092.620.056)	(190,61%)
Bến tàu Trần Đề	(1.985.331.034)	(2.174.888.520)	9,55%
Xe trung chuyển	(1.669.534.125)	(1.560.465.141)	(6,53%)

**T**ước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cùng với các biện pháp phòng chống dịch bệnh của Chính phủ đã tác động không nhỏ đến nhu cầu đi lại của khách du lịch và người dân địa phương. Điều đó được thể hiện qua doanh thu, lợi nhuận gộp các tuyến của Công ty đồng loạt sụt giảm mạnh, cụ thể một số tuyến chính đem lại doanh thu chủ yếu cho Công ty như: Rạch Giá – Phú Quốc, Rạch Giá – Nam Du, Hà Tiên – Phú Quốc đã giảm lần lượt là 38,26%, 50,06% và 51,97%.

Tuy nhiên, điểm sáng của Công ty là việc Ban Lãnh đạo đã có các biện pháp điều chỉnh phù hợp để ứng phó với tình hình dịch bệnh như: duy trì cấm chèo các tuyến vẫn cho phép hoạt động nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của người dân địa phương, sử dụng chủ yếu công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, đưa vào vận hành hiệu quả hệ thống đặt vé trực tuyến,...

## 3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

**N**hằm triển khai chiến lược kinh doanh trung và dài hạn trong tình hình mới, Công ty đã tiến hành đầu tư vào các phương tiện vận tải, cơ sở hạ tầng và khai thác tuyến mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên, dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh mà còn ảnh hưởng tới cả hoạt động đầu tư của Công ty.

#### Về các phương tiện vận tải

Công ty đang triển khai đầu tư hai phà cao tốc mới được đóng bởi đối tác tại Malaysia là Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD. Hiện, phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc đã đóng xong nhưng chưa thể đưa về Việt Nam khai thác do việc chậm tiến độ đầu tư nâng cấp cầu cảng ở Rạch Giá. Bên cạnh đó, phà cao tốc thay thế cho tàu cao tốc cũng bị chậm tiến độ do ảnh hưởng của dịch như máy móc, trang thiết bị không được bàn giao đúng thời hạn, cơ quan đăng kiểm không thể qua xưởng đóng tàu để kiểm định do phong tỏa và cấm bay quốc tế...

#### Về đầu tư cơ sở hạ tầng

Triển khai dự án đầu tư khu phức hợp cảng Trần Đề (Sóc Trăng) để phục vụ cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Công ty đã hoàn thành giai đoạn 01 của dự án để đưa vào khai thác dịch vụ bến bãi, gia tăng thêm tiện ích của khách hàng. Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu để triển khai thêm các giai đoạn sau sao cho phù hợp với tình hình kinh doanh và phát triển tuyến tại địa bàn.

Với mục đích xây dựng khu hậu cần phục vụ cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, Công ty đã thực hiện đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, Thành phố Hà Tiên. Tuy nhiên, do một số vướng mắc về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty và UBND Thành phố Hà Tiên đã thống nhất hủy kết quả trúng đấu giá, hoàn tiền trúng thầu cùng các chi phí khác theo quy định và thỏa thuận. Hiện, hai bên vẫn tiếp tục làm việc và thương thảo nhưng vẫn chưa thống nhất về việc xác định lãi suất và thời điểm thanh toán.



# 4 THÔNG TIN TÀI CHÍNH

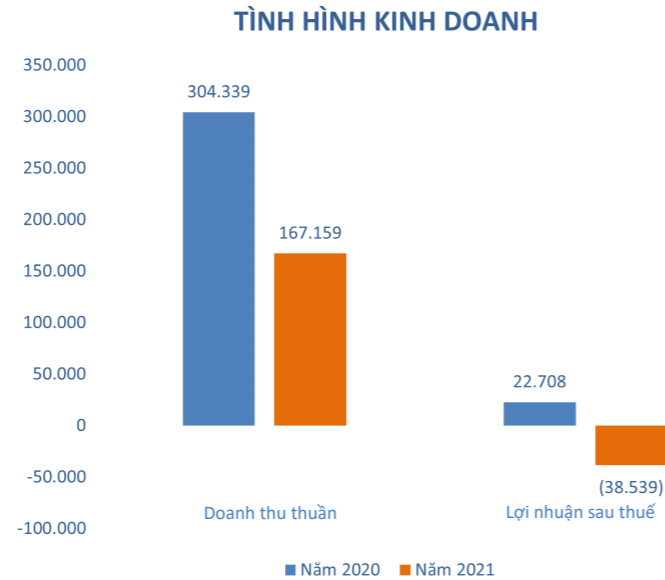
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	304.339.465.322	167.159.108.888	(45,07%)
Giá vốn hàng bán	237.977.545.996	179.548.185.160	(24,55%)
Lợi nhuận gộp	66.361.919.326	(12.389.076.272)	(118,67%)
Lợi nhuận trước thuế	24.890.261.988	(38.539.402.593)	(254,84%)
Lợi nhuận sau thuế	22.708.584.409	(38.539.402.593)	(269,71%)

Cũng như các công ty trong ngành vận tải, dịch Covid-19 và giãn cách xã hội đã ảnh hưởng trầm trọng tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đặc thù ngành nghề và yêu cầu về phòng chống dịch bệnh mà tốc độ suy giảm của các chỉ tiêu như doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế có sự phân hóa khác nhau.

Tính đến hết năm, doanh thu thuần của Công ty đạt 167,16 tỷ đồng, giảm 45,07% so với năm trước tương đương giảm 137,18 tỷ đồng nguyên nhân là do một số tháng Công ty đã phải tạm ngưng hoạt động các tuyến tàu nhằm thực hiện theo chỉ thị của Chính phủ. Ngày 15/10/2021 Công ty bắt đầu hoạt động lại ở một số tuyến như: Phú Quý, Phú Quốc, Nam Du, Hòn Sơn, riêng tuyến Côn Đảo vẫn tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của UBND Huyện Côn Đảo nhưng với tâm lý e ngại dịch bệnh, số lượng hành khách giảm 74% so với cùng kỳ; trong khi đó, giá vốn hàng bán chỉ giảm 24,55% do chi phí nguyên liệu đầu vào (giá dầu) đã tăng mạnh nhưng các chi phí khác vẫn phải duy trì hoặc giảm không đáng kể như chi phí khấu hao tài sản, giá vốn thiết bị, vật tư khác... làm cho lợi nhuận gộp giảm mạnh đến 119% so với năm ngoái và ghi nhận lỗ ở mức 12,39 tỷ đồng.



Bên cạnh đó, lịch trình khai thác bị ảnh hưởng lớn, Công ty phải đối mặt với các áp lực về cạnh tranh, thị phần và nguồn nhân lực, vẫn phải chi trả các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để duy trì ổn định mọi mặt của Công ty dẫn tới lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ 38,54 tỷ đồng, giảm trên 269% so với cùng kỳ.

## CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	22,64	27,25
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	20,60	24,59
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,55	1,30
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,58	1,31
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,06	6,41
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,34	0,20
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,46	(23,06)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,55	(4,61)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,50	(4,54)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (ROIC)	%	7,83	(23,76)

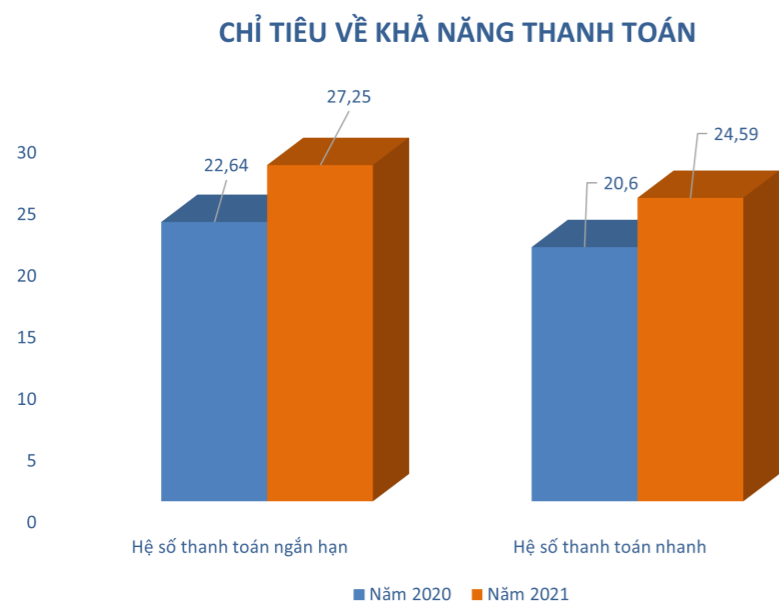




## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Đặc thù kinh doanh của Công ty là hoạt động cung cấp các dịch vụ vận chuyển hành khách theo tuyến cố định nên không có quá nhiều các khoản nợ ngắn hạn, nợ ngắn hạn chủ yếu chỉ là các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp, phải trả cho cán bộ công nhân viên nên thường giá trị không quá lớn. Do đó, các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty luôn duy trì ở mức rất cao và hầu như khả năng thanh toán luôn được đảm bảo.

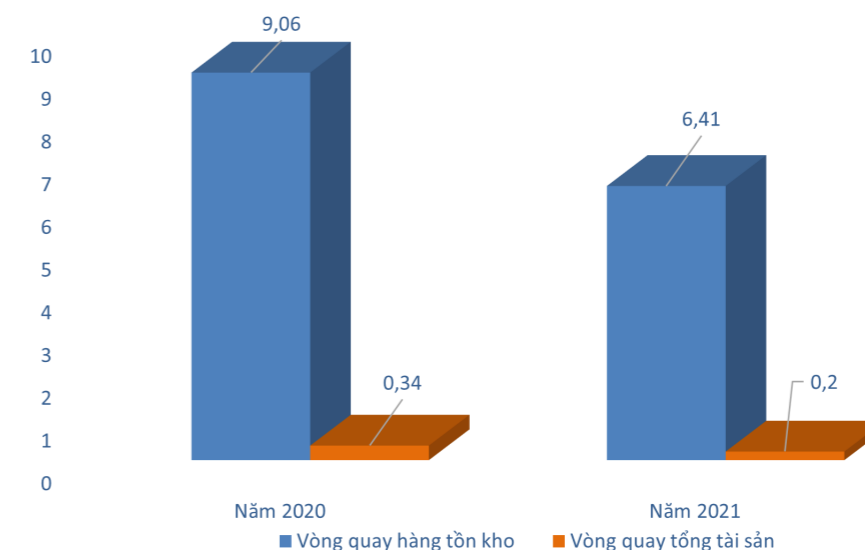
Với tình hình kinh doanh cả 2 năm 2020 và năm 2021 đều chịu sự tác động như nhau bởi dịch bệnh thì cả 2 hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều không có sự thay đổi quá lớn.



## Năng lực hoạt động

Với một năm không mấy thuận lợi thì hiệu quả hoạt động của Công ty cũng sụt giảm đáng kể. Theo đó, hệ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản chỉ đạt lần lượt là 6,41 và 0,2 lần trong năm 2021. Nguyên nhân của sự sụt giảm này phần lớn là do tình hình kinh doanh không thuận lợi nên doanh thu sụt giảm đáng kể, hơn 45% so với cùng kỳ, trong khi các khoản mục hàng tồn kho và tổng tài sản của Công ty thay đổi không tương ứng.

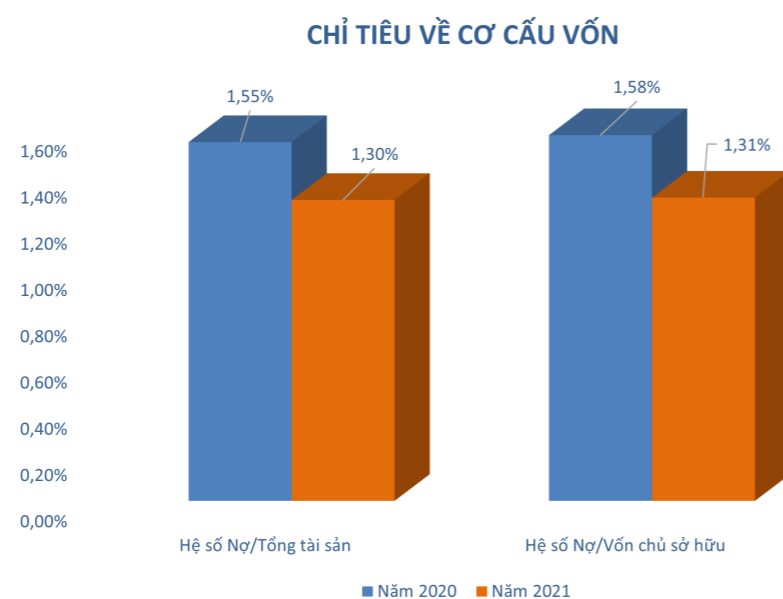
### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



## Hệ số cơ cấu vốn

Là một doanh nghiệp dịch vụ lâu năm trong mảng vận tải hành khách, tổng tài sản của Công ty đa số hình thành từ đội tàu, cơ cấu nợ của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ và phần lớn là các khoản nợ ngắn hạn như đã trình bày ở trên. Do đó, cơ cấu tài chính của Công ty khá lành mạnh khi không bị phụ thuộc vào các khoản nợ dài hạn và ngắn hạn, các hệ số về cơ cấu vốn duy trì ở mức rất thấp chỉ khoảng hơn 1%.

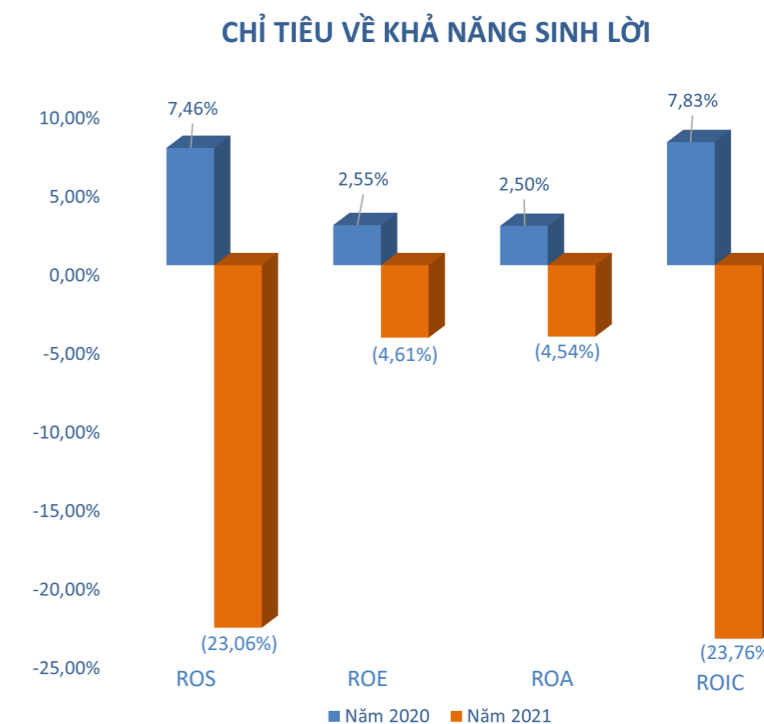
Năm 2021, cơ cấu vốn của Công ty tăng nhẹ so với năm 2020 chủ yếu là do Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt, trong khi lợi nhuận sau thuế của năm 2021 lại bị âm.



## Chỉ số về khả năng sinh lời

Năm 2021 là một năm ảnh hưởng nặng nề với các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, du lịch nói chung và Công ty nói riêng khi phải ngưng hoạt động trong một khoảng thời gian rất dài; bên cạnh đó, Công ty vẫn phải trang trải các chi phí nhân viên, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để duy trì hoạt động, dẫn đến kết quả không khả quan. Do đó, hầu như các hệ số về khả năng sinh lời đều không mấy khả quan.

Khi tình hình tiêm chủng vắc xin được bao phủ, kinh tế trở lại trạng thái bình thường mới, nhu cầu đi du lịch của người dân tăng cao sau giai đoạn giãn cách trước đó thì kết quả kinh doanh của Công ty sẽ trở lại, khả năng sinh lời được kỳ vọng sẽ gia tăng.



# 5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

## Thông tin cổ phiếu



Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

## Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 18/06/2021)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	35.479.552	354.795.520.000	56,02%
1	Cá nhân	32.503.026	325.030.260.000	51,32%
2	Tổ chức	2.976.526	29.765.260.000	4,70%
II	Cổ đông nước ngoài	27.852.183	278.521.830.000	43,98%
1	Cá nhân	23.400.898	234.008.980.000	36,95%
2	Tổ chức	4.451.285	44.512.850.000	7,03%
<b>Tổng cộng</b>		<b>63.331.735</b>	<b>633.317.350.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có



**CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành

**Chi tiết về thành viên Hội đồng quản trị**
**1. Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

+ Ngày sinh:	12/09/1981
+ Trình độ chuyên môn:	- Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp; - Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004.
+ Quá trình công tác	
2003 – 2007	Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2008 – 2009	Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
2010 – 2011	Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
04/2011 – 04/2014	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
2012 – 04/2014	Giám đốc Hành Chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
04/2014 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 5.040.166 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,96% VDL.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng Giám đốc
- Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2021
- Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động

## 2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Ngày sinh : 07/04/1986  
+ Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật Kinh tế  
+ Quá trình công tác  
Từ 2010 – 04/2018 Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.  
Từ 04/2018 – nay Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

+ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 14.844 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,023% VDL

## 3. Ông Puan Kwong Siing - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Ngày sinh : 14/06/1965  
+ Trình độ chuyên môn : Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp  
+ Quá trình công tác  
1987 – 1989 Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD.  
1994 – 1999 Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD.  
1990 – 05/2014 Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN BHD.  
1990 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD; Trillion Leader SDN.BHD.  
2008 – 2009 Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.  
2010 đến nay • Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang;  
• TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 10.470.757 cổ phần chiếm tỷ lệ 16,533% VDL.



## 4. Nguyễn Thị Hoa Lệ - Thành viên HĐQT không điều hành

+ Ngày sinh : 12/03/1957  
+ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Sư; Cử nhân Ngoại ngữ; Cao cấp chính trị; Quản lý kinh tế.  
+ Quá trình công tác  
1975 – 1987 Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin TP.HCM.  
1988 – 2012 • Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam;  
• Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP.HCM;  
• Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương TP.HCM;  
• Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên đoàn chủ tịch trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11,12;  
• Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình.  
2004 đến nay Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thương mại Hòa Giang.  
2012 đến nay • Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;  
• TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang;  
• Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hòa Bình – Phú Quốc.  
2014 đến nay Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang – Phú Quốc.  
2016 đến nay Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

+ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;  
+ Chủ tịch HĐQT CTCP Du Lịch Thương mại Hòa Giang;  
+ Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Phú Quốc;  
+ Chủ tịch HĐQT CTCP Hoà Giang – Phú Quốc;  
+ Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 640.008 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,011% VDL.

## 5. Bà La Xuân Đào - Thành viên HĐQT độc lập.

+ Ngày sinh : 10/07/1959  
+ Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Kinh tế  
+ Quá trình công tác:  
Từ 1983 - 1998 Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Kế toán – Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ.  
Từ 1998 – 2002 Chuyên viên tư vấn Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán AFC Saigon.  
Từ 2003 - 2010 Giảng viên, Trưởng bộ môn Kế toán Kiểm toán Khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia TP. HCM.  
Từ 2011 - 2012 Phó Trưởng khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. HCM.  
Từ 2012 - 2014 Trưởng khoa, Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. HCM.  
Từ 2014 - nay Thành viên BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. HCM (ITC).  
Từ 2015 - 2017 Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. HCM.  
Từ 2017 - 07/2019 Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. HCM.  
Từ 04/2018 - nay Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang  
Từ 8/2019 - 12/2019 Nghỉ hưu theo chế độ.  
Từ 1/2020 - nay Giảng viên bán cơ hữu Trường Đại học Mở TP. HCM.

+ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Trưởng ban BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. HCM (ITC).

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: Không nắm giữ cổ phần.

## 6. Ông Phan Hồng Phúc - Thành viên HĐQT độc lập.

+ Ngày sinh : 12/01/1980  
+ Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán;  
- Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;  
- Chứng nhận bồi dưỡng Kiểm toán viên.

+ Quá trình công tác:

Từ 2003 – 2005	Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung lập.
Từ 2006 – 2007	• Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM DV Rong Lúa; • Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất.
Từ 2008 – 2015	• Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort; • Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ; • Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất.
Từ 2016 đến nay	• Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam); • Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.
Từ 04/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Từ 05/2018 - nay	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam).

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: Không nắm giữ cổ phần.

## 7. Ông Tăng Siêu Tâm - Thành viên HĐQT không điều hành.

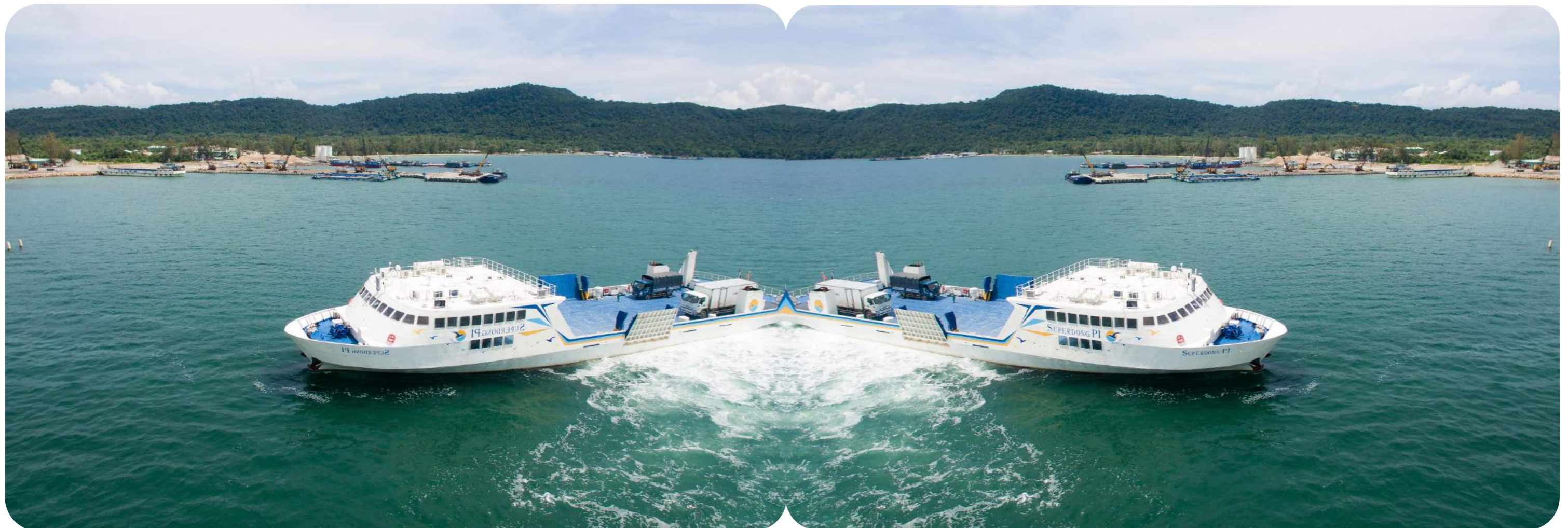
+ Ngày sinh : 07/11/1990  
+ Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ ngành Thương mại;  
- Cử nhân Kinh tế tài chính – Chuyên ngành Phân tích tài chính.

+ Quá trình công tác:

Từ 14/09/2015 - 18/03/2016	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)
Từ 18/07/2016 - 01/08/2018	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
Từ 16/08/2018 - 31/01/2019	Chuyên viên phân tích Quỹ đầu tư Phoenix Capital.
Từ 04/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
Từ 01/03/2018 - nay	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh.

+ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: Không nắm cổ phần.



## 2 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### CƠ CẤU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc.
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc.
3	Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng.

### Chi tiết về thành viên Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Ông Puan Kwong Siing - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT.

( Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty).

#### 2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Phó Tổng Giám đốc.

+ Ngày sinh : 13/08/1979  
 + Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh.  
 + Quá trình công tác  
 2001 - 2007 Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam.  
 2008 - 2010 Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan.  
 2011 - 05/2016 Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.  
 06/2016 - nay Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

+ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 33.101 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,052% VDL.

#### 3. Bà Bùi Thị Hồng Đào - Kế toán trưởng.

+ Ngày sinh : 22/10/1984  
 + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán  
 + Quá trình công tác:  
 06/2007 – 05/2009 Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software.  
 06/2009 – 04/2014 Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng).  
 • Công ty Cổ Phần Chúng Ta Đẹp;  
 • Công ty TNHH Toàn Phúc;  
 • DNTN TM Thiện Kim;  
 • Cửa hàng Hưng Thuận.  
 05/2014 – 08/2018 Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng).  
 • Công ty Cổ Phần YouNet;  
 • Công ty Cổ Phần YouNet Media;  
 • Công ty Cổ Phần YouNet Social Intranet;  
 • Công ty Cổ Phần YouNet Digital;  
 • Công ty Cổ Phần Buzz Metrics;  
 • Công ty Cổ Phần Smart City;  
 • Văn phòng tại US - YouNet LLC.  
 09/2018 đến nay • Kế toán trưởng CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: Không nắm giữ cổ phần.





## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2021

Hoạt động của Công ty ổn định, chưa có nhu cầu thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2021.



## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Số lượng cán bộ, nhân viên tại 31/12/2021.

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021	Tỷ lệ
+ Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	339	100%
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
+ Trên Đại học, Đại học, Cao đẳng	108	31,86%
+ Trung cấp chuyên nghiệp	48	14,16%
+ Sơ cấp chuyên nghiệp	105	30,97%
+ Phổ thông và công nhân kỹ thuật	78	23,01%
<b>Phân theo hợp đồng</b>		
+ Hợp đồng không xác định thời hạn	74	21,83%
+ Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	258	76,11%
+ Hợp đồng theo thời vụ	7	2,06%

### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	389	404	392	339
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.417.489	10.166.058	14.933.350	10.488.062

## Chính sách đối với người lao động

### Về đào tạo

Công ty thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động được tham gia các lớp huấn luyện kỹ năng, đào tạo chuyên môn và tạo cơ hội cho người lao động thăng tiến cũng như các chương trình luân chuyển vị trí, tái thiết kế công việc nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực kế thừa hoặc để bặt quản lý, đây cũng chính là động lực để nhân viên gắn bó, cống hiến cho doanh nghiệp.

Khi dịch Covid-19 được khống chế tốt, hoạt động kinh doanh đi vào ổn định, Công ty sẽ triển khai đưa phà cao tốc FFI vào hoạt động, đồng thời tiếp tục tổ chức bồi dưỡng kỹ năng vi tính, Anh văn giao tiếp cho nhân viên khối lao động trực tiếp và lớp quản lý cấp trung cho các cấp phó, trưởng tại các phòng ban.

### Môi trường công việc

Để bảo vệ quyền lợi cho người lao động, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển (P&I) cho tất cả người trên tàu (bao gồm hành khách và người lao động làm việc trực tiếp trên tàu/phà).

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên theo quy định pháp luật. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Bên cạnh chi trả lương, doanh nghiệp còn chi trả thêm các khoản phụ cấp cho nhân viên như: Phụ cấp ăn trưa, xăng xe áp dụng đối với NVKD phòng vé Phú Quốc được phân công trực tại cảng Bãi Vòng hàng ngày hoặc đột xuất, quà tặng sinh nhật – hiếu hỷ – ma chay cho đoàn viên Công đoàn hàng năm. Phụ cấp tiền cơm khi tăng chuyển tàu/phà, Phụ cấp cơm khi tàu lên ụ, sửa chữa, Phụ cấp ghi hàng, phụ cấp khi tàu tránh bão v.v...

#### » Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên nhân viên gia tăng hiệu quả làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách xét thưởng cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp đặc biệt vào kết quả hoạt động chung của Công ty hàng năm.

Chế độ thưởng Tết năm 2021: mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 không đạt kế hoạch đề ra nhưng nhằm ghi nhận sự nỗ lực, khuyến khích động viên để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài, cống hiến cùng sự phát triển, căn cứ vào bảng đánh giá của các trưởng bộ phận Công ty đã chi thưởng cho năm 2021 với mức tối đa là 01 tháng lương/nhân viên.

Chế độ thưởng vào những ngày Lễ trong năm 2021: cắt giảm khoản thưởng vào các ngày Lễ lớn trong năm.

#### » Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.



## Lương bình quân từ năm 2019 đến năm 2021

Năm	Lương bình quân	Tỉ lệ tăng/giảm (%)	Giải trình
2019	10.166.058	7,90%	Năm 2019 là năm hoạt động gặp nhiều khó khăn từ cạnh tranh với những hãng tàu khác, bão và sóng gió liên tục gây thiệt hại về doanh thu nhưng vì yếu tố cạnh tranh về nhân sự và khan hiếm lao động, lương của nhân viên Công ty vẫn tăng từ 7 -15%. Số lượng nhân sự tăng 1,3% so với năm 2018 nhằm đáp ứng cho hoạt động của bến cảng Trần Đề và chuẩn bị nhân sự cho phà cao tốc mới.
2020	10.800.857	6,24%	Năm 2020 là năm chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai làm cho nhu cầu du lịch giảm đáng kể, vì vậy tình hình hoạt động kinh doanh càng khó khăn hơn, nhưng vì yếu tố cạnh tranh về nhân sự và khan hiếm lao động, cộng thêm sự ra đời của Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT, trong đó tăng thêm 02 thuyền viên cho mỗi tàu, cụ thể là bổ sung thêm chức danh đại phó và máy hai làm cho sự khan hiếm và cạnh tranh về lao động gia tăng, vì vậy lương của nhân viên Công ty tăng từ 4 -15% nhưng số lượng giảm 1% so với năm 2019 chủ yếu là nhân viên Khối Kinh doanh.
2021	9.842.806	-9,73%	Năm 2021, Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Chính phủ đã chỉ thị thực hiện nghiêm giãn cách xã hội, ai ở đâu thì ở yên tại đó suốt 03 tháng liền (từ tháng 07/2021 đến hết tháng 9/2021); Công ty đã phải áp dụng biện pháp điều chỉnh lương, tạm hoãn thực hiện HDLĐ làm cho mức lương bình quân của người lao động bị sụt giảm.



## Bảo hiểm và phúc lợi

### Bảo hiểm

Người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 2 tháng trở lên đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

### Phúc lợi

- Duy trì việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho từng nhân viên;
- Tạo điều kiện hỗ trợ vay vốn từ quỹ Công đoàn Công ty đối với những đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;
- Tạo điều kiện để nhân viên được tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn;
- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức phục vụ cho công việc theo quy định pháp luật;
- Trong năm 2021, dưới sự ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty đã cắt giảm các chính sách ưu đãi sử dụng dịch vụ của Công ty cho nhân viên.

## Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật về lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

### Kế hoạch nhân sự năm 2022

Con người chính là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức. Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, Ban Lãnh đạo Công ty luôn luôn chú trọng đến chính sách nhân sự. Tuyển dụng người tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là trọng tâm chính là một trong những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Các chính sách về nhân sự luôn đảm bảo điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ tốt nhất cho nhân viên.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự. Tuyển dụng đảm bảo nguyên tắc Công khai – Công bằng – Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

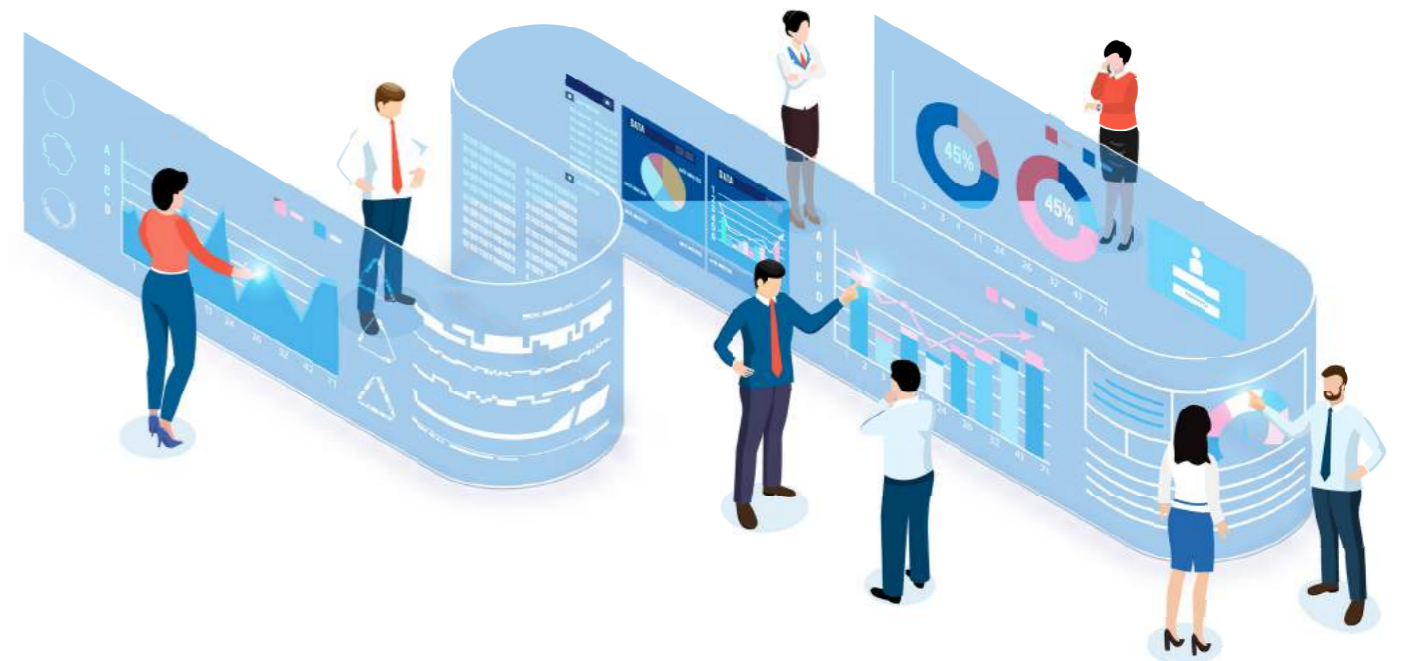
1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm
2. Đánh giá kết quả kinh doanh
3. Tình hình tài chính
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
5. Kế hoạch phát triển trong năm 2022



### ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**K**éo dài chuỗi khó khăn của năm cũ, năm 2021 Công ty tiếp tục phải đương đầu với những thách thức ngày càng nghiêm trọng hơn. Dịch bệnh và giá nhiên liệu tăng mạnh đã ảnh hưởng đến mọi mặt từ kinh doanh đến đầu tư, từ nhân sự đến tài chính. Như các nội dung đã trình bày ở phần trên, hoạt động du lịch bị đóng băng, thậm chí, Công ty buộc phải dừng hoạt động theo quy định về giãn cách trong thời gian dài. Trong khi nguồn thu bị suy giảm nghiêm trọng, Công ty vẫn phải thực hiện các khoản chi định kỳ, trả thêm cho chi phí nhiên liệu tăng và thực hiện công tác phòng chống dịch để duy trì hoạt động đã tác động rất tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Bên cạnh những hạn chế, giai đoạn khó khăn vừa qua cũng làm rõ nét thêm những ưu thế của Công ty mà hiếm có doanh nghiệp cùng ngành khác có được. Nhờ có sức khỏe tài chính lành mạnh, không phụ thuộc vào nguồn vốn vay đã góp phần đảm bảo cho các khoản thanh toán cố định khi tàu phải dừng hoạt động dài ngày, không có doanh thu. Dịch bệnh cũng thúc đẩy nhanh hơn quá trình áp dụng các ứng dụng công nghệ vào quá trình quản lý, điều hành kinh doanh. Trong giai đoạn tạm ngừng kinh doanh, dù thực hiện tạm dừng thực hiện hợp đồng lao động, điều chỉnh thu nhập của người lao động nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì khoản trợ cấp nghỉ dịch; qua đó, thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến đời sống của cán bộ công nhân viên, đây chính là một điểm sáng trong việc thu hút nhân sự trong ngành.



## 2 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	304.339	167.159	(45,07%)
Giá vốn hàng bán	237.977	179.548	(24,55%)
Lợi nhuận gộp	66.362	(12.389)	(118,67%)
Lợi nhuận trước thuế	24.890	(38.539)	(254,84%)
Lợi nhuận sau thuế	22.708	(38.539)	(269,71%)

Năm 2021, dịch Covid-19 vẫn tiếp tục gây tác hại nặng nề tới các hoạt động du lịch, cũng như mọi hoạt động của Công ty. Ngoại trừ tháng 04 năm 2021, nhu cầu của hành khách tương đối khởi sắc, giúp cho Quý II của năm có sự tăng trưởng doanh thu 10,7% so với cùng kỳ. Các thời gian còn lại trong năm, đặc biệt là Quý III, Quý IV, nhu cầu đi lại của hành khách sụt giảm mạnh; trong khi giá dầu có xu hướng biến động tăng, các biện pháp đảm bảo phòng chống dịch yêu cầu gắt hơn, Công ty đã buộc phải ngừng hoạt động từ ngày 15/7 đến hết tháng 9 năm 2021 đối với các tuyến truyền thống; tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo đến hết năm 2021 vẫn chưa được hoạt động trở lại.

Đến cuối năm 2021, tuy đã được mở cửa trở lại nhưng với tâm lý e ngại dịch bệnh và các điều kiện di chuyển ở các địa phương chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập, rườm rà nên đại đa số hành khách sử dụng dịch vụ của Công ty chủ yếu là khách địa phương, vẫn chưa có đối tượng khách du lịch. Đứng trước hiện trạng cầu ít hơn cung, Công ty phải bố trí cho các tàu cao tốc hoạt động luân phiên để đảm bảo cho máy móc được vận hành thường xuyên, duy trì sự cân đối trong việc hạch toán thuế giữa các tàu. Cũng chính vì các lý do nêu trên đã làm cho doanh thu suy giảm hơn 45% và lợi nhuận sau thuế giảm hơn 269% so với cùng kỳ, tương đương với khoản lỗ 38,54 tỷ đồng.

Dù không tránh khỏi xu hướng thua lỗ chung của ngành dịch vụ du lịch, Công ty vẫn cố gắng giảm thiểu tổn thất đến mức thấp nhất. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp lâm vào cảnh nợ nần, phá sản, nguồn doanh thu từ tài chính của Công ty tuy có giảm nhưng vẫn được duy trì ở mức 75,5% so với năm 2020, theo đó doanh thu tài chính năm 2021 đạt 8,1 tỷ đồng. Ban Lãnh đạo Công ty đã bám sát tình hình dịch bệnh nhằm đưa ra các quyết sách phù hợp. Công ty đã thực hiện:

① cắt giảm hợp lý các chi phí quản lý, vận hành, chế độ cho người lao động nhưng vẫn đảm bảo không giảm chất lượng phục vụ; ② đàm phán với những đối tác cung ứng dịch vụ đảm bảo việc cung ứng đạt chất lượng nhưng với mức giá tốt nhất; giảm giá dịch vụ cung ứng, phí thuê mặt bằng, bến bãi trong thời gian Công ty dừng hoạt động hoàn toàn; ③ chủ động xử lý các sự cố kỹ thuật, hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành, không phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chuyên gia nước ngoài trong bối cảnh hạn chế đi lại trên thế giới, tiết kiệm được thời gian, chi phí... ④ cắt giảm, điều chỉnh lương và phúc lợi của người lao động, nhưng không nợ lương, vẫn đảm bảo nguồn thu nhập cơ bản để người lao động tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty; ⑤ ứng dụng công nghệ vào hoạt động như hệ thống bán vé trực tuyến, phát hành hóa đơn điện tử, thực hiện chế độ họp và báo cáo trực tuyến...



# 3 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CƠ CẤU TÀI SẢN

Đvt: tỷ đồng

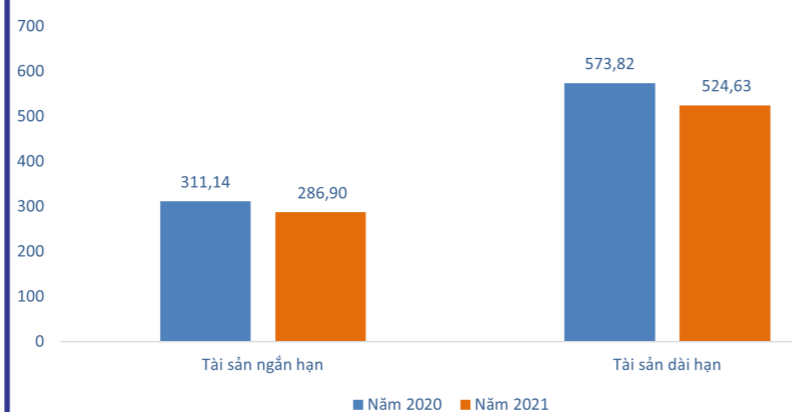
Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>311,14</b>	<b>35,16%</b>	<b>286,90</b>	<b>35,35%</b>
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	14,59	4,69%	8,19	2,86%
+ Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	164,78	52,96%	113,96	39,72%
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	92,37	29,69%	126,16	43,97%
+ Hàng tồn kho	28,04	9,01%	28,00	9,76%
+ Tài sản ngắn hạn khác	11,36	3,65%	10,59	3,69%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>573,82</b>	<b>64,84%</b>	<b>524,63</b>	<b>64,65%</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	4,48	0,78%	3,30	0,63%
+ Tài sản cố định	528,62	92,12%	491,91	93,76%
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13,86	2,42%	0,99	0,19%
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14,00	2,44%	20,0	3,81%
+ Tài sản dài hạn khác	12,85	2,24%	8,44	1,61%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>884,96</b>	<b>100%</b>	<b>811,53</b>	<b>100%</b>

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ so với cùng kỳ và đạt con số 811,5 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với 64,65% và còn lại là các tài sản ngắn hạn.

Tài sản ngắn hạn của Công ty với sự đóng góp phần lớn là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, chiếm 39,72% tổng tài sản ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn, chiếm 43,97% tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm. Khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn giảm gần 51 tỷ đồng so với số đầu năm để bù đắp cho sự thiếu hụt của dòng tiền trong năm, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thời điểm cuối năm là gần 114 tỷ đồng. Ở chỉ tiêu phải thu ngắn hạn là khoản trả trước theo hợp đồng đóng tàu, phải thu này đã tăng 34 tỷ đồng so với đầu năm.

Tài sản dài hạn thời điểm cuối năm giảm 8,57% là nguyên nhân làm cho tổng tài sản của Công ty giảm trong năm qua. Trong tài sản dài hạn, đóng góp lớn nhất vẫn là tài sản cố định, chiếm tỷ trọng hơn 90% trên tài sản dài hạn, tài sản cố định của Công ty là các tàu thuyền dùng cho hoạt động vận tải vận chuyển hành khách, khoản mục này giảm do việc trích khấu hao tài sản trong năm. Các khoản mục còn lại như các khoản phải thu dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng rất thấp và thay đổi không đáng kể.

CƠ CẤU TÀI SẢN



## CƠ CẤU NGUỒN VỐN

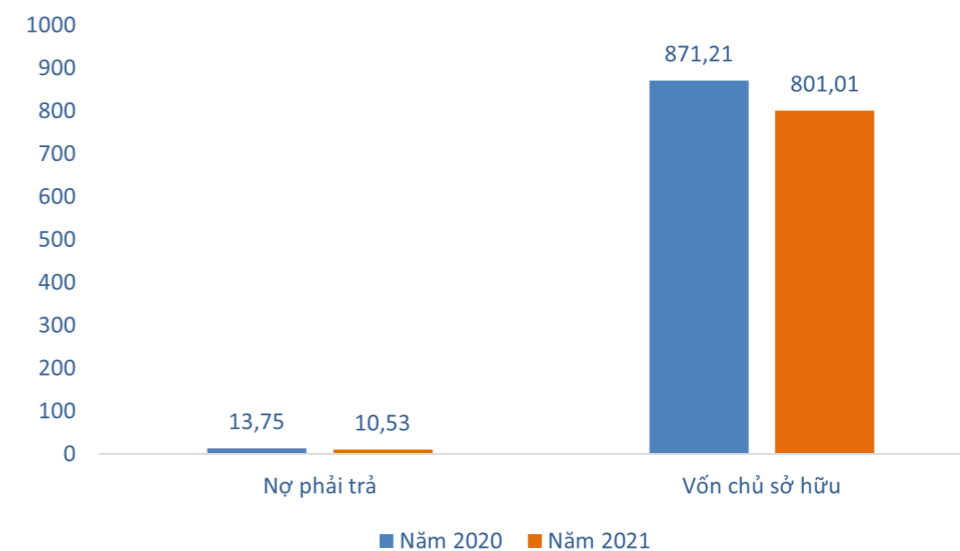
Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Nợ phải trả</b>	<b>13,75</b>	<b>1,55%</b>	<b>10,53</b>	<b>1,30%</b>
+ Nợ ngắn hạn	13,75	100%	10,53	1,30%
+ Nợ dài hạn	-	-	-	-
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>871,21</b>	<b>98,45%</b>	<b>801,01</b>	<b>98,70%</b>
+ Vốn CSH	871,21	100%	801,01	98,70%
+ Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	0	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>884,96</b>	<b>100%</b>	<b>811,53</b>	<b>100%</b>

Đặc thù là doanh nghiệp dịch vụ hoạt động trong mảng vận tải hành khách nên nợ phải trả chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, chỉ hơn 1% và chủ yếu là các khoản mục nợ ngắn hạn. Năm 2021, nợ ngắn hạn giảm 3,2 tỷ đồng so với đầu năm do Công ty tiến hành thanh toán bớt các khoản nợ của nhà cung cấp và nợ người lao động.

Vốn chủ sở hữu chiếm gần 99% tổng nguồn vốn qua các năm, khoản mục này tại ngày 31/12/2021 là 801 tỷ đồng, giảm 70 tỷ đồng, tương đương giảm 8,06% so với thời điểm đầu năm. Nguyên nhân của việc giảm này là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ của Công ty giảm khi tình hình kinh doanh không thuận lợi mà vẫn phải đảm bảo nghĩa vụ chi trả cổ tức cho cổ đông. Mức cổ tức năm 2020 đã trả cho cổ đông là 31,7 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 5%/mệnh giá.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN



# 4

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

**T**rong bối cảnh dịch bệnh diễn ra hết sức căng thẳng, cũng như việc thực hiện các quy định về giãn cách của Chính phủ và các chính quyền địa phương, Công ty đã đẩy nhanh quá trình số hóa hoạt động quản lý và điều hành. Các buổi họp, ra quyết định, chỉ thị theo hình thức trực tuyến được thay thế dần cho hình thức họp trực tiếp. Đẩy mạnh phương thức giao dịch điện tử thay cho phương thức truyền thống như bán vé trực tuyến, xuất hóa đơn điện tử, nộp hồ sơ điện tử tới các cơ quan có thẩm quyền...

# 5

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2022

**D**ự đoán, năm 2022 tình hình kinh doanh sẽ có nhiều triển vọng hồi phục hơn, mặc dù vẫn tồn tại nhiều khó khăn, thử thách so với năm vừa qua do những hệ quả tất yếu của tình hình dịch bệnh Covid-19. Dù Việt Nam cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh nhưng những nguy cơ tiềm tàng vẫn còn tồn tại, cùng với đó thì quá trình cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác vẫn đang diễn ra hết sức khốc liệt. Trước bối cảnh đó, Công ty vẫn tiếp tục bám sát các mục tiêu kinh doanh và chiến lược phát triển trung - dài hạn đã đề ra; từ đó, đưa ra các kế hoạch triển khai cụ thể.

### 1. Hoạt động khai thác

- Bố trí lịch hoạt động theo nhu cầu hành khách, linh động thay đổi khi cần thiết nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Chính phủ;
- Luân phiên thay đổi các tàu/phà/xe trung chuyển giữa các tuyến, đảm bảo sử dụng phương tiện một cách tối ưu nhất;
- Nghiên cứu thời điểm thích hợp để khôi phục hoạt động các tuyến đang tạm ngưng chủ động, đồng thời cân nhắc triển khai hoạt động các tuyến mới tiềm năng khác;
- Đảm bảo sự ổn định về lịch trình, kỹ thuật, tối ưu về tốc độ khi khai thác.

### 2. Công tác nhân sự

- Nhờ kịp thời điều chỉnh các chính sách và chế độ phúc lợi cho nhân viên phù hợp nên về cơ bản vẫn duy trì sự ổn định nguồn nhân lực đáp ứng kế hoạch khai thác trong bối cảnh khan hiếm thuyền viên như hiện nay. Tuy nhiên để chuẩn bị tốt nhân sự cho kế hoạch khai thác khi tình hình được kiểm soát tốt hơn, Công ty sẽ phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức đào tạo một số thuyền viên mới và tạo điều kiện để thuyền viên đang làm việc tại Công ty được tham gia các lớp nâng cao chuyên môn, bằng cấp để tiếp tục đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Ngoài ra, đối với số lượng nhân viên Khối Kinh doanh và Hành chánh văn phòng có sự giảm sút, Công ty không tuyển mới mà chỉ phân bổ lại công việc, phân công kiêm nhiệm thêm công việc nhằm phát huy tối đa khả năng của nhân viên;
- Tiếp tục duy trì sự ổn định trong chính sách phúc lợi nhằm giữ chân và thu hút nhân tài;
- Luân chuyển nhân sự giữa các tuyến, tỉnh thành để sử dụng hợp lý nguồn nhân lực trong tình hình khan hiếm như hiện nay.

### 3. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch sử dụng tối ưu dòng tiền để duy trì nguồn doanh thu tài chính; chuẩn bị nguồn tài chính dự phòng sử dụng trong trường hợp xấu nhất khi Công ty phải dừng hoạt động khi tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn;
- Quản lý và kiểm soát chi tiết các khoản chi, giảm thiểu việc sử dụng các chi phí không hợp lý;
- Duy trì sự ổn định của dịch vụ cung cấp bằng việc kiểm soát tốt giá thành, cụ thể tiếp tục đàm phán với những nhà cung ứng, đối tác để có mức giá hợp lý nhất, giảm giá thuê mặt bằng, kho bãi khi Công ty phải dừng hoạt động, kiểm soát chặt việc sử dụng các nguyên vật liệu, vật tư, trang thiết bị đầu vào, đặc biệt là dầu DO nhưng không làm giảm chất lượng dịch vụ cung ứng.

### 4. Công tác quản lý

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật diễn biến dịch bệnh, tình hình biến động của thị trường để hoạch định chiến lược một cách phù hợp nhất;
- Duy trì hệ thống quản lý trực tuyến, vận dụng tối đa công nghệ trong quản lý, giảm các chi phí quản lý không cần thiết.

### 5. Công tác quảng bá và cộng đồng

- Duy trì mạng lưới kinh doanh hiện tại, liên kết thêm một số đối tác để đa dạng hóa các kênh phân phối;
- Chuẩn hóa và triển khai đều hoạt động, chương trình hỗ trợ bán hàng, chăm sóc các đại lý, đối tác, khách hàng;
- Phát huy hiệu quả hoạt động các kênh truyền thông có sẵn như trang web, fanpage của Công ty;
- Tăng cường công tác truyền thông trực tuyến, liên kết báo chí để cung cấp kịp thời các thông tin tích cực;
- Duy trì mức độ tin và cảm mến của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của Công ty;
- Định kỳ thực hiện các chương trình quà tặng, khuyến mãi, chăm sóc khách hàng theo sự kiện trong năm nhằm mang đến nhiều giá trị thiết thực hơn cho khách hàng;
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai phần mềm bán vé trên điện thoại thông minh;
- Thực hiện một số chương trình thể hiện trách nhiệm với cộng đồng tại các địa phương mà Công ty đang hoạt động như: hỗ trợ cộng đồng khi dịch Covid bùng phát lại; giúp đỡ và hỗ trợ những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Kế hoạch & định hướng của Hội đồng quản trị

## 1 ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

T hêm một năm chịu tổn thất nặng nề từ dịch Covid-19, Công ty phải chịu đựng các khó khăn chung của thị trường hoạt động. Ngay từ Quý I năm 2021, Công ty đã phải chứng kiến sự sụt giảm về doanh thu khoảng 10,7 tỷ đồng do tâm lý e dè dịch bệnh, tránh tụ tập đông người. Đầu Quý II, cụ thể là tháng 04 năm 2021 đã ghi dấu sự khởi sắc trở lại của thị trường khi góp phần đem lại sự tăng trưởng về doanh thu cho cả Quý II 6,6% so với cùng kỳ. Đáng tiếc, sự tăng trưởng này không thể duy trì kể từ sau kỳ nghỉ lễ 30/4 – 1/5 do các làn sóng bùng dịch căng thẳng, kéo dài; dẫn tới, các tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, Phan Thiết – Phú Quý phải dừng hoạt động trong thời gian dài, các tuyến truyền thống tại Kiên Giang cũng phải ngừng hoạt động từ ngày 15/7 đến hết ngày 30/9 theo chỉ thị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khó khăn không chỉ dừng lại ở việc sụt giảm nghiêm trọng nhu cầu của hành khách mà Công ty còn phải ứng phó với các thách thức tới từ sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành, chi phí nhiên liệu tăng nhanh, tính đến tháng 11, giá dầu DO đã tăng hơn 70% so với cùng kỳ; trong khi Công ty phải chịu thêm các chi phí cho hoạt động chống dịch cùng các chi phí cố định khác. Vì thế, Công ty không tránh khỏi khoản lỗ 38,5 tỷ đồng.

Tuy gặp khó khăn nhưng Công ty đã cố gắng giảm thiểu các tổn thất đến mức tối đa có thể bằng sức mạnh nội tại sẵn có như:

- (i) tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chủ yếu, không đầu tư dàn trải, tình hình tài chính lành mạnh, dồi dào, không sử dụng đòn bẩy tài chính;
- (ii) phát huy được lợi thế của đội tàu có đặc thù kỹ thuật phù hợp với điều kiện của địa bàn khai thác, chi phí vận hành hợp lý, tối ưu;
- (iii) tuy có cắt giảm, điều chỉnh lương và phúc lợi cho người lao động, nhưng không nợ lương, vẫn đảm bảo nguồn thu nhập cơ bản để người lao động tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty;
- (iv) ưu thế về chi phí vận hành tốt hơn cùng với các biện pháp giảm cung hợp lý đã giúp cho Công ty duy trì được hoạt động ổn định thay vì phải sử dụng tới phương án giảm nhân sự hay tạm ngừng hoạt động như một số doanh nghiệp cùng ngành khác;
- (v) áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành.

Tuy kết quả kinh doanh không đạt được như mong đợi song Hội đồng quản trị nhận thấy các mặt hoạt động nội tại và hoạt động kinh doanh chính vẫn đảm bảo duy trì ổn định hoạt động của Công ty, nhằm sẵn sàng bắt kịp với tình hình mới của thị trường, qua đó, tiếp tục thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn đã đề ra.

Ngoài ra, Công ty đã hết sức quan tâm đến đời sống của người lao động và các đối tượng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Kinh doanh bị suy giảm nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì thu nhập cho người lao động, dù bất đắc dĩ phải sử dụng biện pháp tạm dừng thực hiện hợp đồng lao động, Công ty vẫn chi trả trợ cấp để hỗ trợ người lao động vượt khó giai đoạn dịch bệnh khó khăn. Công ty cũng đã đóng góp nhiều phần quà gửi tới các hoàn cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; qua đó, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội.



## 2 ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã chịu nhiều hệ quả từ dịch bệnh Covid-19 mang đến và phải đưa ra nhiều quyết định đầy khó khăn, quyết liệt. Dù đã rất tận tâm, tận sức trong việc bám sát diễn biến phức tạp của dịch bệnh và thị trường cạnh tranh, nhưng Công ty cũng không thể tránh khỏi các tác hại tiêu cực xuất phát từ các nguyên nhân khách quan như giãn cách xã hội, giá nguyên nhiên vật liệu tăng, sự khan hiếm nhân sự của đội tàu... làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị thua lỗ.

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực, quyết tâm của Ban Điều hành và mong muốn các thành viên sẽ tiếp tục cố gắng phấn đấu, cống hiến sự nhiệt thành và trí lực cho việc điều hành hoạt động của Công ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong bối cảnh mới của thị trường.



## 3 KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021 đầy thử thách và nguy cơ đã qua đi, tiến độ chích phủ vacxin được đẩy nhanh nhằm góp phần kiểm soát tốt dịch bệnh, tiến tới thích nghi với tình trạng bình thường mới. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đặc biệt là ngành du lịch, dịch vụ đang được nhà nước quan tâm đẩy mạnh phục hồi và tăng trưởng trở lại.

Năm 2022, ngoài đối diện với rủi ro biến động giá nguyên nhiên vật liệu, đặc biệt là dầu DO, Công ty vẫn phải tiếp tục đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ thị trường và sự khan hiếm nhân sự chuyên ngành phục vụ cho đội tàu, biến đổi khí hậu với diễn biến ngày càng cực đoan; Công ty vẫn cần phải chuẩn bị cho nguy cơ ẩn tàng từ việc bùng dịch đến từ các biến chủng mới của dịch bệnh.

Các yếu tố nêu trên là rủi ro, thách thức chung cho tất cả các doanh nghiệp trong ngành. Công ty nhận định, đây cũng chính là cơ hội để hoàn thiện lại các mặt thiếu sót, đẩy nhanh việc cải tiến công tác quản trị, điều hành, phát huy các thế mạnh sẵn có nhằm duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, nhanh chóng hoạt động kinh doanh có hiệu quả, gia tăng thị phần, củng cố vững chắc vị thế dẫn đầu tại các thị trường khai thác.

Nhu cầu vận chuyển cũng như du lịch biển đảo còn rất tiềm năng và dư địa phát triển lớn. Hiện nhu cầu đi lại của hành khách đã bắt đầu có những tín hiệu khởi sắc. Công ty có niềm tin mạnh mẽ vào việc nghiên cứu và tiên phong đưa ra mô hình phà cao tốc thế hệ mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và tạo ra lợi thế lớn trong chiến lược kinh doanh, cạnh tranh của Công ty trong thời gian tới.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
Vốn điều lệ (đồng)	633.317.350.000	633.317.350.000
Doanh thu thuần (đồng)	167.159.108.888	361.150.195.957
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	(38.539.402.593)	18.517.898.145
Cổ tức (%) (*)	-	5%

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2021 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2022.

# 1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách thành viên HĐQT

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành

## Các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ủy ban kiểm toán
3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán



## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	06	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	06	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	06	100%	
4	Ông Puan Kwong Siing	06	100%	
5	Bà La Xuân Đào	06	100%	
6	Ông Tăng Siêu Tâm	06	100%	
7	Ông Phan Hồng Phúc	06	100%	



## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp trực tiếp và 02 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	05/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;</li> <li>Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn Thời gian, Địa điểm tổ chức và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.</li> </ul>	100%
2	02/2021/NQ-HĐQT	29/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;</li> <li>Thông qua Báo cáo thường niên năm 2020.</li> <li>Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.</li> </ul>	100%
3	03A/2021/NQ-HĐQT	14/5/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;</li> <li>Thông qua việc thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020;</li> <li>Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</li> <li>Thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán;</li> <li>Thông qua việc thuê xe phục vụ cho hoạt động của Công ty.</li> </ul>	100%
4	03B/2021/NQ-HĐQT	14/5/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua thù lao của HĐQT và lương của người điều hành Công ty năm 2021.</li> </ul>	100%
5	BBH HĐQT ngày 30/06/2021	30/06/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình kinh doanh và thực hiện dự án Quý II năm 2021.</li> </ul>	100%
6	04/2021/NQ-HĐQT	29/09/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc điều chỉnh thù lao của Hội đồng quản trị cho tháng 08, tháng 09 năm 2021.</li> </ul>	100%
7	05A/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc điều chỉnh thù lao của Hội đồng quản trị cho tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2021.</li> </ul>	100%
8	05B/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Quy chế Công bố thông tin;</li> <li>Thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ.</li> </ul>	100%



## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Phan Hồng Phúc và Bà La Xuân Đào – thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Bà đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

## Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện nay, các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp cả trong và ngoài nước (xem chi tiết tại phần sơ yếu lý lịch). Tuy nhiên, vì các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đang sinh sống tại nhiều địa điểm khác nhau, đồng thời số lượng lớp học về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức còn khá ít nên các thành viên chưa thể tham gia các lớp học để lấy chứng chỉ về quản trị công ty.



## 2 ỦY BAN KIỂM TOÁN

### Danh sách thành viên Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch

### Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Hồng Phúc	02/02	100%	

### Nội dung và kết quả của các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp tương ứng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	BBH 01	30/06/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm tra công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán 06 tháng đầu năm 2021.</li> <li>Giám sát hoạt động mua sắm tài sản và đầu tư dự án mới của Công ty.</li> <li>Ban Tổng Giám đốc thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện theo nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị.</li> </ul>
2	BBH 02	31/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm tra công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán trong năm 2021.</li> <li>Đưa ra ý kiến đóng góp dựa trên chuyên môn của mình để góp ý cho các quyết định của HĐQT.</li> <li>Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán thường xuyên trao đổi các ý kiến trong quá trình hoạt động để điều chỉnh các vấn đề chưa hợp lý về mặt kiểm soát hoạt động cũng như các công tác về tài chính.</li> </ul>

## Các hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2021

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính quý, năm trước khi Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo thông tin trước khi công bố ra bên ngoài theo đúng quy định của pháp luật:

Đảm bảo các báo cáo tài chính trước khi công bố được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và đúng theo quy định của Pháp luật liên quan; Ủy ban kiểm toán chủ động soát xét các báo cáo quý để nâng cao độ tin cậy trước khi công bố.

Ngoài ra, Ủy ban kiểm toán xem xét ý kiến của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao hơn nữa năng lực giám sát của tiểu ban, đồng thời tìm các biện pháp để cải thiện với Ban Điều hành, từ đó nâng cao năng lực phát triển của Công ty.

Ủy ban kiểm toán nội bộ cũng giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập như đánh giá đề xuất kế hoạch thực hiện công việc kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập sao cho phù hợp với phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian mà vẫn đảm bảo được chất lượng, tính độc lập của công ty kiểm toán.

## Hoạt động giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

### a. Kết quả thẩm tra tình hình tài chính Công ty năm 2021

- Năm 2021, công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đã phản ánh được tình hình tài chính của Công ty ổn định, lành mạnh, trung thực;
- Giám sát hoạt động mua sắm tài sản và đầu tư dự án mới của Công ty.

### b. Tình hình tuân thủ pháp luật của Công ty và công tác quản lý của Ban Tổng Giám đốc năm 2021

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Mặc dù tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, gián đoạn hoạt động trong nhiều tháng do ảnh hưởng của dịch Covid, Công ty vẫn đảm bảo các nguồn lực sẵn sàng hoạt động trở lại ngay khi được cho phép.

## Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Tổng Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên HĐQT nên việc thực hiện các chủ trương hoạt động đều thống nhất về quan điểm và hành động.
- Ngoài các cuộc họp thường kỳ và xem xét, kiểm tra công tác tài chính của Công ty, Ủy ban kiểm toán còn tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra ý kiến dựa trên chuyên môn của mình để góp ý cho các quyết định của HĐQT. Ngoài ra, Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán thường xuyên trao đổi các ý kiến trong quá trình hoạt động để điều chỉnh các vấn đề chưa hợp lý về mặt kiểm soát hoạt động cũng như các công tác về tài chính.

## Hoạt động khác của Ủy ban kiểm toán:

- Khảo sát và đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;
- Khảo sát và đề xuất phương án xây dựng hệ thống quản lý rủi ro;
- Giám sát việc triển khai các thủ tục để chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020;
- Thực hiện các công tác có liên quan đến kiểm toán nội bộ của Công ty.

## Phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2022

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2022;
- Tư vấn xây dựng, hoàn thiện hệ thống kiểm toán nội bộ;
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính bán niên soát xét và báo cáo tài chính năm 2022.

# 3 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

## THÙ LAO LƯƠNG THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đvt: đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>						
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị	211.500.000	175.560.000	18.000.000	
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	554.769.200	125.400.000	47.214.400	
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD	900.000.000	75.240.000	80.000.000	
4	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT		75.240.000		
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT không điều hành		75.240.000		
6	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập		75.240.000		
7	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập		75.240.000		
<b>TỔNG</b>			<b>1.666.269.200</b>	<b>677.160.000</b>	<b>145.214.400</b>	
<b>ỦY BAN KIỂM TOÁN</b>						
1	Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch UBKT		125.400.000		
<b>TỔNG</b>				<b>125.400.000</b>		
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>						
1	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD	NT		NT	
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	773.016.000		66.496.000	
3	Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	610.142.308		53.100.000	
<b>TỔNG</b>			<b>1.383.158.308</b>		<b>119.596.000</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.049.427.508</b>	<b>802.560.000</b>	<b>264.810.400</b>	

## HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan đến Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết HĐQT thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ CP sau giao dịch	Ghi chú
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	-	-	09/02/2018	NQ số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018	Số cổ phiếu: 5.040.166 Tỷ lệ: 7,96%	Kí hợp đồng thuê văn phòng Hà Tiên
2	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	-	-	16/02/2018	01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018 và 02/2018/NQ-HĐQT ngày 06/02/2018	Số cổ phiếu: 2.265.812 Tỷ lệ: 3,58%	Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc Rạch Giá - Phú Quốc.
3	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN. BHD	Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing	-	-	22/01/2019	01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018 và 02/2018/NQ-HĐQT ngày 06/02/2018	Số cổ phiếu: 2.265.812 Tỷ lệ: 3,58%	Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc Rạch Giá - Phú Quốc.
4	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	-	-	01/05/2021	NQ số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 14/05/2021	Số cổ phiếu: 33.101 Tỷ lệ: 0,052%	Ký hợp đồng thuê xe phục vụ cho hoạt động của Công ty



## GAO DỊCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2021)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Thành viên HĐQT và người có liên quan							
1	Hà Nguyệt Nhi (Chủ tịch HĐQT)		5.040.166	7,960%	5.040.166	7,960%	
1.1	Vương Lục Muội	Mẹ	356	0,001%	356	0,001%	
1.2	Hà Vĩ Bàn	Anh trai	34.538	0,055%	34.538	0,055%	
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung (Phó Chủ tịch HĐQT)		14.844	0,023%	14.844	0,023%	
2.1	Âu Chí Toàn	Chồng	6.483	0,010%	6.483	0,010%	
3	Nguyễn Thị Hoa Lệ (Tv HĐQT)		640.008	1,011%	640.008	1,011%	
4	Puan Kwong Siing (Tv HĐQT)		10.470.757	16,533%	10.470.757	16,533%	
4.1	Puan Chiong	Anh trai	3.075.075	4,855%	3.075.075	4,855%	
4.2	Puan Kiong Sii	Anh trai	1.320.042	2,084%	1.320.042	2,084%	
4.3	Eric Yee Kuok Enng	Anh rể	410	0,00%	0	0,00%	Bán
4.4	Bruce Ting Siaw Lung	Em rể	569.310	0,90%	9.310	0,010%	Bán
4.5	Kong Mee Ling	Chị dâu	6	0,00%	261.906	0,410%	Mua
4.6	Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	Tổ chức có liên quan	2.165.812	3,420%	2.165.812	3,580%	Mua

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2021)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2021)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan							
1	Puan Kwong Siing (Tổng Giám đốc)	Đã khai trên mục I. Thành viên HĐQT và người có liên quan					
2	Nguyễn Thị Kim Hồng (Phó TGD)		33.101	0,052%	33.101	0,052%	
2.1	Nguyễn Văn Bớt	Cha	356	0,001%	356	0,001%	
2.2	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Mẹ	356	0,001%	356	0,001%	
2.3	Võ Quang Lộc	Chồng	356	0,001%	356	0,001%	
2.4	Nguyễn Thanh Phong	Em trai	356	0,001%	356	0,001%	
2.5	Nguyễn Văn Lợi	Em rể	139.790	0,220%	139.790	0,220%	



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## 1 MỤC TIÊU

### Về xã hội

- Tạo ra việc làm cho người lao động tại các địa bàn hoạt động như: Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận... đặc biệt với đặc thù ngành, Công ty sẽ cố gắng đào tạo các lao động lành nghề để nâng cao tay nghề cũng như kỹ năng dành cho các lao động;
- Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc;
- Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc; qua đó, phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi;
- Công ty luôn tự ý thức trách nhiệm của mình đối với xã hội. Tích cực tạo điều kiện, ủng hộ việc thực hiện các chương trình xã hội.



### Về hoạt động kinh doanh

- Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến khách hàng những dịch vụ thực sự chất lượng;
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông, sử dụng quỹ hợp lý để hỗ trợ cho nhân viên trong những ngày giãn cách xã hội;
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng;
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

### Về môi trường

Giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đặc biệt là môi trường biển, do Công ty chủ yếu sử dụng dầu DO là nguồn nhiên liệu chính. Việc sử dụng loại nhiên liệu này sẽ gây ra một số tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động:

- Sử dụng năng lượng tiết kiệm: loại tàu mà Công ty sử dụng có ưu việt hơn về mặt tiêu hao nhiên liệu, đồng thời với thiết kế phù hợp đặc tính sóng gió tại địa phương hoạt động nên tàu sẽ di chuyển với tốc độ nhanh hơn với mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý;
- Thời gian gần đây, do sự cạnh tranh của các hãng tàu mới và dịch bệnh đã khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng. Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát chặt chẽ và thận trọng để tránh lãng phí đến từ tỷ trọng lấp đầy thấp.

Ưu tiên lựa chọn những công nghệ thân thiện với môi trường và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận.



## 2 HÀNH ĐỘNG

### Về quản lý nguồn nguyên nhiên liệu

Với việc tiếp tục duy trì hoạt động vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc và phà, dầu DO vẫn là nhiên liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động của Công ty. Công ty đề cao sự quan tâm đến việc sử dụng hợp lý và các sáng kiến giúp tiết giảm nguồn nguyên nhiên vật liệu.

#### Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả

- Các tàu của Công ty đều được đóng tại các công ty uy tín, có sự đảm bảo về chất lượng, với công nghệ tiên tiến và ngày càng có sự tiến bộ về mức độ thân thiện với môi trường;
- Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát thận trọng để đưa vào khai thác đúng thời điểm, việc bố trí giờ khởi hành khoa học cũng góp phần tránh lãng phí từ việc tàu chạy trống tải hoặc quá ít hành khách;
- Tại Khối Văn phòng, năng lượng điện và nước được sử dụng với mức độ hợp lý, không gây lãng phí, các dụng cụ văn phòng phẩm được sử dụng và tái sử dụng.

#### Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

- Giấy và các loại văn phòng phẩm sau khi sử dụng không còn khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom để riêng nhằm giúp đơn vị xử lý rác thải tại khu vực dễ dàng phân loại;
- Tại phòng bán vé cũng như trên các tàu cao tốc và phà, Công ty bố trí bảng quy định về rác thải cũng như hướng dẫn cụ thể nơi gom rác, bố trí các thùng chứa rác khác nhau cho từng loại rác với mục đích hạn chế tối đa rác thải trên biển từ việc xả rác bừa bãi. Rác thải sau khi thu gom sẽ được phân loại theo những tiêu chí nhất định để mang đi xử lý đúng quy định;
- Chất thải nhiên liệu được thu gom tập trung để xử lý theo quy định.

#### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận;
- Đến nay, Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



### Về xã hội

#### Đối với người lao động

Đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, đội ngũ nhân viên và thuyền viên hiện nay đã tăng lên nhiều so với thời điểm những năm đầu hoạt động. Nhận thấy lực lượng lao động trong ngành đang ngày càng khan hiếm, cũng như mục tiêu của Công ty là tiếp tục công tác đào tạo nguồn lao động chất lượng cao để nâng cao an toàn và chất lượng dịch vụ. Công ty cam kết thực hiện đúng các thỏa ước lao động với nhân viên của mình, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp và xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh, lành mạnh. Mức thu nhập trung bình hiện nay tại Công ty trong năm qua là 10.488.062 đồng/người/tháng. Toàn bộ nhân viên Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ và sẽ duy trì đều đặn trong thời gian tới. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng phục vụ nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng như đã đề cập ở phần chính sách nhân sự.



#### Đối với khách hàng

Tuyệt đối đảm bảo an toàn cho khách hàng trên từng chuyến tàu, Công ty sẽ không hoạt động tàu khi điều kiện thời tiết không bảo đảm. Vấn đề an toàn trong suốt chuyến hành trình được đặt lên trên hết. Thiết bị cứu hộ, cứu nạn của tàu luôn đạt tiêu chuẩn và được định kỳ kiểm tra, đánh giá để có kế hoạch thay thế, bổ sung kịp thời. Tất cả thuyền viên đều đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn theo quy định về an toàn hàng hải.

Hiện với đội tàu đang hoạt động gồm 16 chiếc tàu cao tốc và 02 phà phục vụ tại 07 tuyến chính, Công ty có thể đảm bảo hoạt động của các tàu đều thực sự linh hoạt, đúng giờ và không bị quá tải nhằm khẳng định chất lượng dịch vụ, bảo vệ an toàn cho hành khách.

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường để đưa ra các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng, tiếp thu ý kiến đóng góp từ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.

#### Đối với cộng đồng

Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị có chuyên môn nhằm ủng hộ, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại các địa phương có hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2021**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC

SUPERDONG - KIÊN GIANG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (Đã được  
kiểm toán)



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	77 - 79
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	80 - 81
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	82 - 83
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	84
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	85
Thuyết minh báo cáo tài chính	86 - 110



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần. Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SKG.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3980111
- Fax : 0297 3846180

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu và cấu kiện nổi. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên
Bà La Xuân Đào	Thành viên
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám Đốc

#### Ủy ban Kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng chức vụ Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2021.

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: 137/2022/BCKT-HCM.01263

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 7. Công bố Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

**NGUYỄN THỊ KIM HỒNG**

Phó Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 24 tháng 03 năm 2021.

(Đã ký)

(Đã ký)

**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1

### CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286.900.621.436</b>	<b>311.138.913.906</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>8.191.903.226</b>	<b>14.585.818.590</b>
Tiền	111		8.191.903.226	9.585.818.590
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>113.959.532.789</b>	<b>164.787.313.181</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	113.959.532.789	164.787.313.181
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>126.161.097.194</b>	<b>92.368.620.306</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		169.224.740	345.070.400
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	98.772.681.278	63.175.191.602
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	27.219.191.176	28.848.358.304
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.5	<b>27.998.691.108</b>	<b>28.036.457.244</b>
Hàng tồn kho	141		27.998.691.108	28.036.457.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.589.397.119</b>	<b>11.360.704.585</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	3.332.429.957	4.382.535.588
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.731.286.042	3.470.974.345
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	3.525.681.120	3.507.194.652
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>524.631.987.779</b>	<b>573.816.867.093</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.297.000.000</b>	<b>4.483.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	3.297.000.000	4.483.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>491.911.886.364</b>	<b>528.615.334.706</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	484.134.394.024	520.580.768.086
Nguyên giá	222		812.079.903.093	796.533.116.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(327.945.509.069)	(275.952.347.916)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.777.492.340	8.034.566.620
Nguyên giá	228		9.874.532.581	9.874.532.581
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.097.040.241)	(1.839.965.961)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>985.478.713</b>	<b>13.863.937.713</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	985.478.713	13.863.937.713
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	20.000.000.000	14.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.437.622.702</b>	<b>12.854.594.674</b>



Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	8.437.622.702	12.854.594.674
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>811.532.609.215</b>	<b>884.955.780.999</b>

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.527.484.652</b>	<b>13.745.386.343</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.527.484.652</b>	<b>13.745.386.343</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.594.206.641	2.800.520.589
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.343.349.001	1.551.264.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	52.582.782	1.203.935.243
Phải trả người lao động	314		5.000.183.446	6.375.092.131
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	537.162.782	1.814.574.380
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>801.005.124.563</b>	<b>871.210.394.656</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>801.005.124.563</b>	<b>871.210.394.656</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		633.317.350.000	633.317.350.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		633.317.350.000	633.317.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.469.923.636	11.469.923.636
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.825.309.715	6.825.309.715
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.392.541.212	217.597.811.305
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		185.931.943.805	194.889.226.896
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(38.539.402.593)	22.708.584.409
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>811.532.609.215</b>	<b>884.955.780.999</b>

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG**  
Người lập biểu

**BÙI THỊ HỒNG ĐÀO**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ KIM HỒNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**  
Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		167.159.108.888	304.339.465.322
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	167.159.108.888	304.339.465.322
Giá vốn hàng bán	11	6.2	179.548.185.160	237.977.545.996
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(12.389.076.272)</b>	<b>66.361.919.326</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.112.927.956	10.885.185.621
Chi phí tài chính	22		1.649.612	34.121.633
<i>- Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	25.320.826.434	38.354.600.206
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.122.475.601	15.015.008.614
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(39.721.099.963)</b>	<b>23.843.374.494</b>
Thu nhập khác	31	6.6	1.181.807.248	1.314.826.060
Chi phí khác	32		109.878	267.938.566
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.181.697.370</b>	<b>1.046.887.494</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(38.539.402.593)</b>	<b>24.890.261.988</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,11	-	2.181.677.579
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(38.539.402.593)</b>	<b>22.708.584.409</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	63331735 (609)	63331735 359

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG**  
Người lập biểu

**BÙI THỊ HỒNG ĐÀO**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ KIM HỒNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(38.539.402.593)	24.890.261.988
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	52.342.829.749	52.118.751.073
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	1.649.612	589.971
Chi phí lãi vay	05	(8.112.877.263)	(10.877.368.821)
Các khoản điều chỉnh khác	06	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>07</b>	<b>5.692.199.505</b>	<b>66.132.234.211</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	08	1.407.419.316	7.220.599.440
(Tăng), giảm hàng tồn kho	09	37.766.136	(3.517.724.822)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(3.990.490.420)	(4.151.185.471)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	5.374.483.287	3.850.775.364
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	12	-	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>17</b>	<b>8.521.377.824</b>	<b>69.534.698.722</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	18	(38.387.138.736)	(25.682.676.435)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	19	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	20	(141.047.532.789)	(187.129.890.920)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	21	185.875.313.181	202.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24	10.310.582.894	12.288.018.639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>25</b>	<b>16.751.224.550</b>	<b>1.475.451.284</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	26	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	27	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	28	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	29	(31.664.668.126)	(63.329.336.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>	<b>(31.664.668.126)</b>	<b>(63.329.336.250)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>31</b>	<b>(6.392.065.752)</b>	<b>7.680.813.756</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>32</b>	<b>14.585.818.590</b>	<b>6.905.040.805</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	33	(1.849.612)	(35.917)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>34</b>	<b>8.191.903.226</b>	<b>14.585.818.644</b>

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG**  
Người lập biểu

**BÙI THỊ HỒNG ĐÀO**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ KIM HỒNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần. Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SKG.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3980111
- Fax : 0297 3846180

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu và cấu kiện nổi. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 1.5 Cấu trúc của Công ty

##### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Mã số chi nhánh	Địa chỉ
1/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	1700556108-004	Thửa đất số 102,103,104 Tờ bản đồ số 47, Ấp Đầu Giồng, Thị Trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
2/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang - Chi nhánh Côn Đảo	1700556108-005	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị Trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
3/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quý	1700556108-006	11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
4/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Chi nhánh Nam Du	1700556108-008	Số 02 Ấp Cù Tron, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
5/ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh	1700556108-003	610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước..

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 346 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 392 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 do Bộ Tài Chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ban hành.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).



#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

##### Chi phí bảo hiểm tài sản

Chi phí bảo hiểm tài sản phát sinh một lần cho nhiều kỳ kế toán có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 1 năm.

##### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 03 năm
Tài sản cố định khác	04 - 05 năm



#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- QSDĐ VP 1F Nguyễn Huỳnh Đức, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, RG: Giấy chứng nhận QSDĐ số AG214040 cấp ngày 04/12/2006 của thửa đất số 145, tờ bản đồ số 60, diện tích sử dụng 198,8 m2 với thời gian sử dụng lâu dài. Công ty đang sử dụng làm kho.
- Giá trị đất Số L4, Lô 01 Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang: Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA571338 cấp ngày 21/7/2015 của thửa đất Khu L4 - Lô 01, diện tích sử dụng 206,48 m2 với thời gian sử dụng lâu dài. Công ty đang sử dụng làm văn phòng.
- QSDĐ VP 14 Tự Do, 14 Tự Do, Thành Phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng nhà ở và Quyền SDD số 5301023493 cấp ngày 01/11/2004 của thửa đất số 146, tờ bản đồ số 60, diện tích sử dụng 55,07 m2 với thời gian sử dụng lâu dài. Công ty đang sử dụng làm kho.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

##### **Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác của Công ty là chi phí thiết kế tàu phà có giá trị lớn, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 15 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Ưu đãi thuế*

Mô tả	Dự án	Thuế suất
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty và đối tượng	Địa điểm	Quan hệ
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Malaysia	Công ty cùng thành viên chủ chốt Thành viên chủ chốt



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt – VND	11.426.177	30.625.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	-
- VND	7.926.064.373	9.520.857.931
- USD	179.879.328	9.950.659
Tiền đang chuyển – VND	74.533.348	24.385.000
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	<b>8.191.903.226</b>	<b>14.585.818.590</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	7.945,20	179.879.328

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	113.959.532.789	113.959.532.789	164.787.313.181	164.787.313.181
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
	<b>133.959.532.789</b>	<b>133.959.532.789</b>	<b>178.787.313.181</b>	<b>178.787.313.181</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn từ 06 - 15 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,8%/năm đến 5,2%/năm.

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>		
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (*)	98.444.154.875	61.953.754.875
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Các nhà cung cấp khác	328.526.403	1.221.436.727
	<b>98.772.681.278</b>	<b>63.175.191.602</b>

(\*) Đây là khoản tiền ứng trước theo hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 và Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRP/12/19 để thực hiện hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao hai phà cao tốc chở khách bằng hợp kim nhôm. Tại ngày 31/12/2021, phà của hợp đồng KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 đã hoàn thiện nhưng chưa bàn giao cho Công ty do chưa tìm được bến bãi neo đậu.

**5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Lãi tiền gửi dự thu	2.055.139.634	-	4.252.845.265	-
Phòng Tài chính – Kế hoạch				
Thành phố Hà Tiên (*)	23.556.439.671	-	22.898.859.671	-
Tạm ứng nhân viên	795.000.000	-	963.038.897	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	812.611.871	-	733.614.471	-
	<b>27.219.191.176</b>	<b>-</b>	<b>28.848.358.304</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản phải thu hoàn lại tiền trúng thầu và các chi phí khác theo quy định của dự án Lô đất tại thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên phát sinh trong tháng 12/2017 theo Văn bản số 215/UBND-TCKH ngày 08/07/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Tiên. Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại, chưa có thỏa thuận cụ thể và chính thức về lãi suất cũng như thời điểm thanh toán. Giá trị đang ghi nhận tại ngày 31/12/2021 bao gồm số tiền hoàn trả trúng thầu lô đất là 21.350.000.000 VND và tiền đền bù ước tính là 2.206.439.671 VND.

**5.4.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký quỹ, ký cược	805.000.000	-	815.000.000	-
Ban Quản lý Bến xe tàu Hà Tiên (*)	2.492.000.000	-	3.668.000.000	-
	<b>3.297.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.483.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản ứng vốn không lãi suất cho Ban Quản lý Bến xe tàu Hà Tiên theo hợp đồng số 10/HĐ-BQLB ngày 17/03/2017 để đầu tư xây dựng Nhà điều hành – Sân nền – Cây xanh bến tàu Hà Tiên. Số tiền gốc thu hồi hàng năm theo hợp đồng là 1.176.000.000 VND.

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.961.938.369	-	27.987.563.583	-
Phụ tùng	21.221.650.688	-	21.629.182.206	-
Dầu DO	1.307.604.247	-	1.188.673.376	-
Nhiên liệu	484.325.827	-	467.546.874	-
Vật liệu	4.948.357.607	-	4.702.161.127	-
Hàng hoá	36.752.739	-	48.893.661	-
	<b>27.998.691.108</b>	<b>-</b>	<b>28.036.457.244</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo hiểm	785.418.424	936.697.655
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	1.325.451.376	1.925.722.596
Chi phí khác	1.221.560.157	1.520.115.337
	<b>3.332.429.957</b>	<b>4.382.535.588</b>

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ	61.936.878	819.251.084
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	3.750.272.445	7.124.299.090
Tiền thuê đất trả trước (*)	4.174.460.607	4.267.054.923
Chi phí khác	450.952.772	643.989.577
	<b>8.437.622.702</b>	<b>12.854.594.674</b>

(\*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng theo hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 24 tháng 02 năm 2017 giữa công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, diện tích thuê 36.691,3m<sup>2</sup> thời hạn thuê đất từ ngày 21 tháng 02 năm 2017 đến ngày 15 tháng 02 năm 2067.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**  
Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.7 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2021	52.270.972.706	1.135.157.802	741.773.551.944	960.035.527	393.398.023	796.533.116.002
Tăng từ mua trong năm	-	115.000.000	-	-	-	115.000.000
Tăng từ XDCB dở dang	15.431.787.091	-	-	-	-	15.431.787.091
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>67.702.759.797</b>	<b>1.250.157.802</b>	<b>741.773.551.944</b>	<b>960.035.527</b>	<b>393.398.023</b>	<b>812.079.903.093</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2021	3.271.772.867	582.488.679	271.008.469.373	865.220.453	224.396.544	275.952.347.916
Khấu hao trong năm	2.003.522.056	248.946.924	49.604.120.172	74.100.601	62.471.400	51.993.161.153
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>5.275.294.923</b>	<b>831.435.603</b>	<b>320.612.589.545</b>	<b>939.321.054</b>	<b>286.867.944</b>	<b>327.945.509.069</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2021	48.999.199.839	552.669.123	470.765.082.571	94.815.074	169.001.479	520.580.768.086
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>62.427.464.874</b>	<b>418.722.199</b>	<b>421.160.962.399</b>	<b>20.714.473</b>	<b>106.530.079</b>	<b>484.134.394.024</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>						
Vào ngày 01/01/2021	-	-	10.660.462.116	575.391.345	116.748.857	11.352.602.318
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>421.604.771</b>	<b>10.660.462.116</b>	<b>897.227.345</b>	<b>116.748.857</b>	<b>12.096.043.089</b>



**5.8 Tình hình hình tăng/(giảm) tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2021	7.126.349.000	1.799.075.390	949.108.191	9.874.532.581
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>7.126.349.000</b>	<b>1.799.075.390</b>	<b>949.108.191</b>	<b>9.874.532.581</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2021	-	1.510.416.518	329.549.443	1.839.965.961
Khấu hao trong năm	-	191.498.888	65.575.392	257.074.280
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>1.701.915.406</b>	<b>395.124.835</b>	<b>2.097.040.241</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2021	7.126.349.000	288.658.872	619.558.748	8.034.566.620
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>7.126.349.000</b>	<b>97.159.984</b>	<b>553.983.356</b>	<b>7.777.492.340</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2021	-	816.995.390	90.909.091	907.904.481
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>1.533.995.390</b>	<b>176.108.191</b>	<b>1.710.103.581</b>

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2021 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2021 VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	513.100.000	-	-	513.100.000
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Công trình bến tàu Trần Đề – Sóc Trăng	12.952.946.545	2.553.328.091	(15.431.787.091)	74.487.545
Dự án nhà chờ Bến Đầm – Côn Đảo	397.891.168	-	-	397.891.168
	<b>13.863.937.713</b>	<b>2.553.328.091</b>	<b>(15.431.787.091)</b>	<b>985.478.713</b>

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN.BHD	22.920.000	23.215.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	1.137.990.000	-
Công ty Cổ Phần Bê tông IBS	848.748.290	-
Công ty TNHH TK Kiến Trúc và XD Không Gian Xanh	332.000.000	847.900.000
DNTN Xăng dầu Phi Hải	367.800.000	591.600.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	-	304.045.500
Các nhà cung cấp khác	884.748.351	1.033.760.089
	<b>3.594.206.641</b>	<b>2.800.520.589</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) nhà nước**

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.132.491.651	-	7.817.716.474	(8.936.613.069)	13.595.056	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	31.790.480	(31.790.480)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(3.507.194.652)	-	-	-	(3.507.194.652)
Thuế thu nhập cá nhân	65.652.950	-	2.121.342.262	(2.148.007.486)	38.987.726	-
Các loại thuế khác	5.790.642	-	231.783.339	(256.060.449)	-	(18.486.468)
<b>Cộng</b>	<b>1.203.935.243</b>	<b>(3.507.194.652)</b>	<b>10.202.632.555</b>	<b>(11.372.471.484)</b>	<b>52.582.782</b>	<b>(3.525.681.120)</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư các dự án, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng như sau:

Mô tả	Dự án	Thuế suất
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.



Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(38.539.402.593)	24.890.261.988
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.884.262.817	16.538.454.617
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(29.655.139.776)</b>	<b>41.428.716.605</b>
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng ưu đãi	(37.768.067.732)	33.001.571.220
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	8.112.927.956	8.427.145.385
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi (10%x50%; 10%)	5%; 10%	5%; 10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông (20%)	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>2.181.677.579</b>
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	-	496.248.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	1.685.429.077
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.181.677.579</b>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Phải trả tiền cổ tức	12.318.524	11.119.150
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	106.173.595	1.247.142.815
Thù lao Hội đồng Quản trị	36.168.000	74.316.000
Phải trả ngắn hạn khác	382.502.663	481.996.415
	<b>537.162.782</b>	<b>1.814.574.380</b>

#### CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 5.13 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

##### 5.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	258.220.961.896	911.833.545.247
Lãi trong năm	-	-	-	-	22.708.584.409	22.708.584.409
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(63.331.735.000)	(63.331.735.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>633.317.350.000</b>	<b>11.469.923.636</b>	<b>6.825.309.715</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>217.597.811.305</b>	<b>871.210.394.656</b>
Số dư tại ngày 01/01/2021	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	217.597.811.305	871.210.394.656
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(38.539.402.593)	(38.539.402.593)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(31.665.867.500)	(31.665.867.500)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>633.317.350.000</b>	<b>11.469.923.636</b>	<b>6.825.309.715</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>147.392.541.212</b>	<b>801.005.124.563</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
<b>Cổ đông là pháp nhân:</b>				
- Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd.	22.658.120.000	3,58	21.658.120.000	3,42
<b>Cổ đông là cá nhân:</b>				
- Puan Kwong Siing	104.707.570.000	16,53	104.707.570.000	16,53
- Ting Chek Hua	59.356.640.000	9,37	75.781.640.000	11,97
- Bà Hà Nguyệt Nhi	50.401.660.000	7,96	50.401.660.000	7,96
Các pháp nhân và cá nhân khác	396.193.360.000	62,56	380.768.360.000	60,12
	<b>633.317.350.000</b>	<b>100,00</b>	<b>633.317.350.000</b>	<b>100,00</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 633.317.350.000 VND đã được các thành viên góp đủ.

**5.13.3 Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.331.735	63.331.735
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu thường	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu thường	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**5.13.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền mặt (5% vốn điều lệ) cho cổ đông : VND 31.665.867.500

**5.14 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****5.14.1 Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	92.594.320	92.594.320
Trên 1 năm đến 5 năm	370.377.280	370.377.280
Trên 5 năm	3.711.489.007	3.804.083.323
	<b>4.174.460.607</b>	<b>4.267.054.923</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tổng số tiền thuê 36.691,3 m<sup>2</sup> kho tại Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng với giá thuê là 120.000 VND/m<sup>2</sup>, 160.714 VND/m<sup>2</sup>, 321.429 VND/m<sup>2</sup>, 642.857 VND/m<sup>2</sup> đối với từng diện tích đất của các thửa đất số 102,103 và 104. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 21 tháng 02 năm 2017 đến ngày 15 tháng 02 năm 2067 (50 năm).

Ngoài ra Công ty còn ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê định kỳ theo quy định của các hợp đồng thuê này.

**5.14.2. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	7.945,20	431,98

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	167.159.108.888	304.339.465.322
	<b>167.159.108.888</b>	<b>304.339.465.322</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	179.548.185.160	237.977.545.996
	<b>179.548.185.160</b>	<b>237.977.545.996</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.112.877.263	10.877.368.821
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	50.693	7.816.800
	<b>8.112.927.956</b>	<b>10.885.185.621</b>

**6.4 Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	10.521.066.094	14.333.820.259
Chi phí công cụ, đồ dùng	32.229.970	343.560.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.871.464	327.871.464
Chi phí hoa hồng, chiết khấu	9.845.875.632	17.094.982.123
Chi phí bán hàng khác	4.593.783.274	6.254.365.688
	<b>25.320.826.434</b>	<b>38.354.600.206</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.061.437.753	8.028.474.188
Chi phí vật liệu quản lý	57.011.334	153.120.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.635.677	522.341.682
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.668.390.837	6.311.072.665
	<b>10.122.475.601</b>	<b>15.015.008.614</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ việc khách huỷ vé	443.672.018	613.778.386
Tiền đền bù ứng mua đất thị xã Hà Tiên	-	659.381.589
Thu nhập khác	738.135.230	41.666.085
	<b>1.181.807.248</b>	<b>1.314.826.060</b>

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận/ lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(38.539.402.593)	22.708.584.409
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• Trích quỹ khen thưởng	-	-
• Trích quỹ phúc lợi	-	-
• Trích lập quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(38.539.402.593)	22.708.584.409
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	63.331.735	63.331.735
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(609)</b>	<b>359</b>

**6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	60.738.780.766	92.677.767.885
Chi phí nhân công	53.440.357.942	70.335.380.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.250.235.433	52.026.156.757
Chi phí khác	48.562.113.054	75.510.770.526
	<b>214.991.487.195</b>	<b>290.550.075.667</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Phải trả người bán	3.594.206.641	-	3.594.206.641
Phải trả khác	430.989.187	-	430.989.187
	<b>4.025.195.828</b>	<b>-</b>	<b>4.025.195.828</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2021</b>			
Phải trả người bán	2.800.520.589	-	2.800.520.589
Phải trả khác	567.431.565	-	567.431.565
	<b>3.367.952.154</b>	<b>-</b>	<b>3.367.952.154</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ:**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	169.224.740	345.070.400	169.224.740	345.070.400
Các khoản phải thu khác	29.721.191.176	33.331.358.304	29.721.191.176	33.331.358.304
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	133.959.532.789	178.787.313.181	133.959.532.789	178.787.313.181
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.191.903.226	14.585.818.590	8.191.903.226	14.585.818.590
	<b>172.041.851.931</b>	<b>227.049.560.475</b>	<b>172.041.851.931</b>	<b>227.049.560.475</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	3.594.206.641	2.800.520.589	3.594.206.641	2.800.520.589
Phải trả khác	430.989.187	567.431.565	430.989.187	567.431.565
	<b>4.025.195.828</b>	<b>3.367.952.154</b>	<b>4.025.195.828</b>	<b>3.367.952.154</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác. Các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các đối tượng liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc</b>			
Bà Hà Nguyệt Nhi Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Mua dịch vụ (thuê văn phòng bán vé Hà Tiên)	82.500.000	125.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Phó Tổng Giám đốc	Thuê xe	30.000.000	45.000.000

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thị trường.



*Công nợ phải thu/phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Hà Nguyệt Nhi	405.060.000	489.274.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	727.383.600	906.046.000
Ông Puan Kwong Siing	1.055.240.000	1.436.219.277
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	75.240.000	84.240.000
Bà La Xuân Đào	75.240.000	84.240.000
Ông Phan Hồng Phúc	200.640.000	224.640.000
Ông Tăng Siêu Tâm	75.240.000	84.240.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	839.512.000	1.084.716.000
Bà Bùi Thị Hồng Đào	663.242.308	809.850.000
	<b>4.116.797.908</b>	<b>5.203.465.277</b>

### 8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Kaibuok Shipyards (M) Sdn.Bhd</b>			
	Mua tàu, và phụ tùng thay thế	36.490.400.000	2.085.609.418

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Kaibuok Shipyards (M) Sdn.Bhd</b>			
	Trả trước cho nhà cung cấp (Xem thuyết minh mục 5.3)	98.444.154.875	61.953.754.875
	Phải trả người bán (Xem thuyết minh mục 5.10)	22.920.000	23.215.000

### 8.2 Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam (Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận), hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động vận tải hành khách và hàng hoá ven biển, do đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
<b>LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG</b> Người lập	<b>BÙI THỊ HỒNG ĐÀO</b> Kế toán trưởng	<b>NGUYỄN THỊ KIM HỒNG</b> Phó Tổng Giám đốc Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kiên Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2022

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**HÀ NGUYỆT NHI**

